



NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN	1
1.1. Thông tin chung về BAC A BANK	1
1.2. Quá trình hình thành - phát triển	2
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
1.4. Mô hình tổ chức quản lý	5
1.5. Định hướng phát triển	6
1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh	7
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018	9
2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2018	9
2.2. Tổ chức và nhân sự	11
2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	16
2.4. Tình hình tài chính	18
2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu	18
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	19
3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	20
3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh	20
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật	23
3.3. Kế hoạch phát triển	24
4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK	26
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	27
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	27
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	29

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**
- Tên tiếng Anh: **BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- Tên viết tắt: **BAC A BANK**
- Mã cổ phiếu: **BAB**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: **2900325526 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp**
- Vốn điều lệ: **5.500.000.000.000 VND (Năm nghìn năm trăm tỷ đồng)**
- Giấy phép thành lập: **004924 GP/TLDN-03**
- Địa chỉ: **Số 117 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An**
- Số điện thoại: **(84-238) 3844277**
- Số fax: **(84-238) 3841757**
- Website: **<http://www.baca-bank.vn>**

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn**

Ngân hàng TMCP Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một ngân hàng tận tâm, tạo ra một thế hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... BAC A BANK hướng tới giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ăm no, hạnh phúc cho cộng đồng.

Trong giai đoạn tới đây, BAC A BANK sẽ là một ngân hàng đa năng, bên cạnh nghiệp vụ tư vấn đầu tư mang lại những thành công nổi bật - làm nên một con đường khác biệt hướng tới sự phát triển bền vững. BAC A BANK cũng sẽ tập trung nguồn lực củng cố các dịch vụ tài chính cá nhân, xây dựng danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt và hấp dẫn. Điều này xuất phát từ triết lý kinh doanh “Giữ tâm sáng để vươn xa rộng khắp” - tất cả vì lợi ích của khách hàng.

- **Sứ mệnh**

Ngân hàng TMCP Bắc Á tư vấn và phục vụ cho một thế hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cuộc sống cộng đồng và thân thiện với môi trường.

- **Giá trị cốt lõi**

- Tiên phong
- Chuyên nghiệp
- Đáng tin cậy
- Cải tiến không ngừng
- Vì hạnh phúc đích thực

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

Ngân hàng TMCP Bắc Á được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với số vốn ban đầu chỉ có 20 tỷ đồng với 1 điểm giao dịch duy nhất đồng thời là trụ sở chính và 8 thành viên đầu tiên; trải qua gần 25 năm Ngân hàng đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành tựu và những dấu son đáng nhớ.

Năm 1995 đánh dấu mốc khởi đầu cho sự mở rộng về mạng lưới hoạt động của BAC A BANK với chi nhánh đầu tiên được khai trương: Chi nhánh Hà Nội.

Năm 2004, BAC A BANK chính thức có mặt tại khu vực kinh tế trọng điểm miền Nam, đánh dấu bởi lễ khai trương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi mô hình từ phi tập trung, phân tán sang mô hình tập trung; đồng thời phân tách công việc, nhiệm vụ theo từng Khối/Ban/Phòng chức năng chuyên trách nhằm chuyên môn hóa nghiệp vụ để hướng tới mô hình tổ chức của một ngân hàng hiện đại.

Năm 2009 - 2010, Ngân hàng trang bị hệ thống giải pháp ngân hàng lõi (Core Banking), thiết lập nền tảng công nghệ mạnh mẽ để BAC A BANK tạo ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ trong nước.

Ngày 21/12/2011 BAC A BANK ghi dấu ấn quan trọng khi chính thức công bố sự kiện ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới: Biểu trưng mang hình ảnh hoa sen cách điệu, tượng trưng cho tâm sáng, cho trí tuệ, cho triết lý nhân sinh, sự tận tụy, khát khao vươn lên và lạc quan về tương lai tươi sáng.

Năm 2012, Dự án sữa TH true MILK do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã thành công khi chính thức ra mắt thị trường và đặt nền móng cho ngành công nghiệp sữa tươi sạch Việt Nam.

Năm 2014, nhân lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, BAC A BANK vinh dự được nhận cờ thi đua của Chính phủ trao tặng, cá nhân bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng ba.

Năm 2015, BAC A BANK cơ bản hoàn thành kế hoạch hoạt động 5 năm (2011 - 2015) và đạt nhiều kết quả tích cực. BAC A BANK đã vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu trong phát triển bền vững vì cộng đồng năm 2015" vì những hoạt động xuất sắc và nỗ lực không ngừng trong hoạt động tư vấn đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, mang lại giá trị cốt lõi cho toàn xã hội, vì sức khỏe cộng đồng, giải thưởng do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG trao tặng, dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.

Năm 2016, BAC A BANK chính thức hoàn thành việc tăng Vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới với 97 điểm giao dịch trên 18 tỉnh thành phố khắp cả nước. Cũng trong năm 2016, BAC A BANK lần thứ 2 nhận giải thưởng "Ngân hàng Vì Cộng Đồng" và giải thưởng "Sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu 2016" do Tổ chức dữ liệu quốc tế IDG trao tặng; giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu Trách nhiệm xã hội Việt Nam 2016" do Tạp chí International Finance Magazine (IFM) thuộc Tập đoàn truyền thông quốc tế nổi tiếng Thomson Reuters trao tặng. Tổng Giám đốc - Bà Thái Hương lần thứ 2 được vinh danh trong Top 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất châu Á do Tạp chí Forbes uy tín bình chọn.

Năm 2017, cổ phiếu của BAC A BANK với mã BAB chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom vào ngày 28/12/2017. Trong năm, BAC A BANK vinh dự được nhận giải "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam" do Hiệp hội Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tổ chức và 02 giải thưởng "Vì Cộng đồng", "Ngân hàng tiêu biểu tư vấn đầu tư nông nghiệp công nghệ cao 2017" do Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng. Cũng trong năm 2017, Bà Tổng Giám đốc Thái Hương được tạp chí IFM trao tặng giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm".

Năm 2018, BAC A BANK hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 5.500 tỷ đồng. Đây là sự đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của BAC A BANK thể hiện quyết tâm đưa Ngân hàng trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu với định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững. Trong năm 2018, BAC A BANK vinh dự đạt 2 giải thưởng "Ngân hàng hỗ trợ tư vấn đầu tư công nghệ cao cho nông nghiệp sạch 2018" và "Ngân hàng có sản phẩm, dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm 2018" thuộc hệ thống giải thưởng uy tín "Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2018" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG trao tặng. Tại Lễ trao giải Ngân hàng tiêu biểu khu vực châu Á – Thái Bình Dương năm 2018 của Tạp chí IFM, BAC A BANK được vinh danh với hai giải thưởng "Ngân hàng Việt Nam tiên phong tư vấn đầu tư các dự án nông nghiệp sạch ở nước ngoài" và Tổng Giám đốc BAC A BANK – Bà Thái Hương năm thứ hai liên tiếp vinh dự nhận giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm". Cũng trong năm 2018, Bà Thái Hương đã đoạt giải Vàng hạng mục Doanh nhân xuất sắc của năm với Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế 2018 (International Business Awards - IBA Stevie Awards).

Với những đóng góp nổi bật cho kinh tế - xã hội đất nước trong suốt quá trình hoạt động, BAC A BANK đã nhiều lần vinh dự được nhận Bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An và các đoàn thể khác trao tặng, các giải thưởng uy tín khác như giải thưởng "Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ xuất sắc" do Bộ công thương trao tặng, "Top 100 sản phẩm tin và dùng", "Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam", "Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam", "Top 200 Sao vàng Đất Việt", "Top 10 Doanh nghiệp vì người lao động".

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

- **Tài chính - Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Bắc Á cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

- Tư vấn đầu tư**

Kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính – ngân hàng đa dạng, BAC A BANK đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư với các dự án mang tính an sinh xã hội cao.

Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống như chế biến thực phẩm sạch hay các bệnh viện và trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam, đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp Ngân hàng gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK tại ngày 31/12/2018 có 126 điểm giao dịch đang hoạt động phân bố tại 27 tỉnh thành trọng điểm trên cả nước trải dài từ Bắc đến Nam.

STT	Tỉnh/Thành phố	Hội sở	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tổng
1	Hà Nội		9	36	45
2	Hưng Yên		1	3	4
3	Hải Phòng		1	3	4
4	Quảng Ninh		1	2	3
5	Bắc Giang		1		1
6	Thái Nguyên		1		1
7	Vĩnh Phúc		1	3	4
8	Hà Nam		1		1
9	Ninh Bình		1		1
10	Thanh Hóa		1	4	5
11	Nghệ An	1		11	12
12	Hà Tĩnh		1	3	4
13	Quảng Bình		1	2	3
14	Huế		1	1	2
15	Đà Nẵng		1	3	4
16	HCM		2	15	17
17	Bình Dương		1		1
18	Cần Thơ		1	2	3
19	Kiên Giang		1	2	3
20	Lâm Đồng		1		1
21	Bà Rịa Vũng Tàu		1		1
22	Phú Yên		1		1
23	Khánh Hòa		1		1
24	Thái Bình		1		1
25	Đắk Lắk		1		1
26	Lào Cai		1		1
27	Đồng Nai		1		1
	Tổng	1	35	90	126

Trong năm 2018, BAC A BANK mở thêm 7 Chi nhánh mới tại địa bàn Bà Rịa Vũng Tàu, Phú Yên, Khánh Hòa, Thái Bình, Đắk Lắk, Lào Cai và Đồng Nai. Đồng thời, Ngân hàng cũng thực hiện khai trương thêm 10 Phòng giao dịch tại địa bàn các tỉnh Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Kiên Giang và TP. Hà Nội.

Tại thời điểm 31/12/2018, BAC A BANK còn 01 Chi nhánh đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép nhưng chưa đi vào hoạt động là Chi nhánh Thành phố Vinh. Ngày 29/01/2019, Chi nhánh Thành phố Vinh đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 127 điểm.

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý



Cơ cấu bộ máy quản lý của BAC A BANK bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại Hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của BAC A BANK, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ BAC A BANK quy định. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị với chức năng là cơ quan quản trị giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông của BAC A BANK có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của BAC A BANK trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Tổng Giám đốc với chức năng là cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai chiến lược hoạt động của Ngân hàng.

Các hội đồng, ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có: Ủy ban nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban ALCO, Hội đồng Xử lý nợ, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư. Bộ máy điều hành của BAC A BANK bao gồm các Đơn vị tại Hội sở, các Chi nhánh và Phòng giao dịch. Các đơn vị Hội sở gồm 12 Khối/Ban và 01 Văn phòng trực thuộc Tổng Giám đốc. Mạng lưới của BAC A BANK tại ngày 31/12/2018 có 01 Hội sở, 35 Chi nhánh và 90 Phòng giao dịch trên cả nước.

1.4.2. Công ty con

Tính đến hết năm 2018, Ngân hàng có hai (02) công ty con do BAC A BANK sở hữu 100% vốn là:

- **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 67 phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0104507588 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/03/2010.
 - Vốn chủ sở hữu theo Giấy phép đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
 - Ngành nghề kinh doanh chính: tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.
- **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 9 phố Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107983828 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2017.
 - Vốn chủ sở hữu theo Giấy phép đăng ký kinh doanh: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả; phấn đấu trở thành ngân hàng đa năng, theo đuổi chiến

lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và cho vay các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền tảng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phấn đấu. Xây dựng đề án phát triển và tầm nhìn trung - dài hạn; trong đó yêu cầu có những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á ưu tiên nguồn vốn cho vay và tư vấn đầu tư vào các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục, và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã hội... Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, các hoạt động từ thiện xã hội cũng được quan tâm và triển khai thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của BAC A BANK nhằm chung tay sẻ chia với cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội. Ngân hàng còn theo đuổi mục tiêu nâng cao trí lực Việt Nam với việc đồng hành cùng Dự án Vì Tầm vóc Việt do Tập đoàn TH chủ trì.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

BAC A BANK đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trước hết là xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng, tiếp theo là chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng luôn đề cao việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích.

Ngân hàng đa dạng hóa chế độ cho vay theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro và nhất quán thực hiện tăng trưởng tín dụng theo định hướng đã đề ra là ưu tiên nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Để phòng ngừa rủi ro, Ngân hàng cũng tính toán để trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định hiện hành.

1.6.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, điều này dẫn đến khả năng giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính.

BAC A BANK đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất để định kỳ lập các báo cáo về thị trường, đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường. Theo đó, Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay, chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ.

Ngân hàng tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động.

Một chiến lược khác của Ngân hàng là phát triển các dịch vụ tiện ích để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.6.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục Tài sản Nợ và Tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng.

BAC A BANK được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ.

Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống về Hội sở chính. Các Chi nhánh đều được đặt hạn mức giao dịch trong ngày và không có trạng thái ngoại hối vào cuối ngày. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống đều được cân bằng kịp thời.

1.6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nguồn vốn tập trung tại Hội sở chính nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế

lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Ngân hàng dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ cũng được Ngân hàng đặc biệt coi trọng nhằm có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2018

2.1.1 Môi trường kinh doanh

- **Tình hình kinh tế thế giới:**

Năm 2018, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, những tranh chấp về chủ quyền và chiến tranh cục bộ giữa một số quốc gia cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động tiêu cực đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Cuối năm 2018, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và nhiều tổ chức tài chính khác trên thế giới đồng loạt hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 xuống 3,5% thấp hơn 0,2% so với con số 3,7% được dự báo trong năm 2018.

- **Tình hình kinh tế Việt Nam:**

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2018 đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây với mức tăng trưởng 7,08%. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, nằm trong giới hạn 5% mà Quốc hội đề ra. CPI bình quân năm 2018 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu là tăng học phí, tăng lương tối thiểu và dịch vụ y tế.

Cán cân thương mại của Việt Nam năm 2018 thặng dư 7,2 tỷ USD, cao hơn năm 2017 và là năm thứ 3 liên tiếp Việt Nam xuất siêu. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32,8 tỷ USD.

Về thị trường tài chính tiền tệ, tính đến cuối năm 2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 11,34% so với cuối năm 2017, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 11,56%. Lãi suất trên thị trường tiền gửi và cho vay với khách hàng năm 2018 có xu hướng tăng nhẹ. Trong năm 2018, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; mức 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Năm 2018, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,30%, nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

Đối với thị trường ngoại hối, NHNN tiếp tục điều hành linh hoạt tỷ giá trung tâm, nguồn cung ngoại tệ dồi dào, tỷ giá ổn định. Theo đánh giá của Bloomberg, đồng Việt Nam là một trong những đồng tiền ổn định nhất Châu Á. Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của BAC A BANK

Năm 2018 tiếp tục là một năm nền kinh tế có nhiều chuyển biến khởi sắc với mức tăng trưởng kinh tế cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Trong xu thế đó, BAC A BANK cũng đạt nhiều kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh. Căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ngân hàng đã hoàn thành ở mức cao và vượt kế hoạch đối với tất cả các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2018. Cụ thể như sau:

Tổng tài sản

97.029 tỷ đồng

Tăng 5,72% so với năm 2017

Tổng tài sản của BAC A BANK tăng trưởng liên tục trong các năm gần đây. Tổng tài sản của Ngân hàng từ năm 2014 đến 2018 đạt mức tăng trưởng bình quân là 14,18%/năm. Năm 2018, Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 97.029 tỷ đồng, tăng 5,72% so với năm 2017, hoàn thành 95,98% kế hoạch đề ra.

Tổng dư nợ cho vay khách hàng

63.979 tỷ đồng

Tăng 15,30% so với năm 2017

Ngân hàng luôn nhất quán với định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các ngành và lĩnh vực thuộc 3 khâu đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020, đó là nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Từ năm 2014 đến nay, mức tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng đạt mức bình quân là 16,78%/năm. Tổng dư nợ cho vay khách hàng năm 2018 đạt 63.979 tỷ đồng, tăng 15,30% so với năm 2017 và hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ tăng trưởng này vẫn nằm trong mức giới hạn tăng trưởng tín dụng cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

Tổng huy động vốn

87.399 tỷ đồng

Tăng 4,91% so với năm 2017

- Huy động vốn TT1 là 73.868 tỷ đồng
- Huy động vốn TT2 là 13.531 tỷ đồng

Tổng huy động vốn tăng trưởng liên tục trong suốt những năm gần đây với mức tăng trưởng bền vững, trung bình tăng 13,77%/năm từ năm 2014 đến nay. Để đạt được kết quả đó, công tác thương hiệu đóng vai trò quan trọng, hệ thống nhận diện thương hiệu mang tính chuyên nghiệp cùng với công tác chăm sóc khách hàng được nâng cao, dịch vụ tiện ích mới ngày càng phát triển đã tác động không nhỏ đến công tác huy động vốn của Ngân hàng.

Năm 2018, huy động vốn thị trường 1 tăng 9.503 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 14,76% so với năm 2017, đạt 73.868 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,52% tổng huy động vốn. Huy động vốn thị trường 2 của Ngân hàng đến cuối năm 2018 giảm còn 13.531 tỷ đồng, chỉ chiếm 15,48% tổng huy động vốn.

Lợi nhuận sau thuế

677 tỷ đồng

Tăng 12,46% so với năm 2017

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng liên tục từ năm 2012 đến nay. Năm 2018, lợi nhuận sau thuế của BAC A BANK đạt mức cao nhất từ trước đến nay đạt 677 tỷ đồng, tăng 12,46% so với năm 2017, vượt 2,58% so với kế hoạch đã đặt ra từ đầu năm.

Mạng lưới: **126** điểm giao dịch đang hoạt động

Mạng lưới giao dịch tiếp tục được mở rộng trên phạm vi cả nước. Trong năm 2018, Ngân hàng đã khai trương chi nhánh mới tại các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Phú Yên, Khánh Hòa, Thái Bình, Đắk Lắk, Lào Cai, Đồng Nai và các huyện trực thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Kiên Giang và TP.Hà Nội.

Ngày 29/01/2019, Chi nhánh Thành phố Vinh đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 127 điểm.

Dự kiến trong năm 2019, BAC A BANK sẽ tiếp tục mở thêm 4 Chi nhánh tại các địa bàn mới là Lạng Sơn, Hà Giang, Bình Định, Long An.

Nhân sự: **2.042** người

Số lượng nhân viên tại thời điểm 31/12/2018 là 2.042 người, tăng 26,36% so với cuối năm 2017.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng tại ngày 31/12/2018

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (31/12/2018)
I. Thành viên Hội đồng Quản trị			
1	Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch HĐQT	3,18%
2	Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4,30%
3	Ông Võ Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,07%
4	Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên HĐQT	0,28%
5	Bà Hoàng Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập	-
II. Ban Điều hành			
1	Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	4,30%
2	Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-
3	Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	3,79%
4	Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	0,18%
5	Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	-
6	Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	0,07%
7	Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	-
8	Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	-
9	Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	0,16%
10	Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc	-
III. Thành viên Ban Kiểm soát			
1	Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát	0,19%
2	Ông Thái Đình Long	Thành viên Ban Kiểm soát	-
3	Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên Ban Kiểm soát	0,32%
IV. Kế toán trưởng			
1	Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	-

❖ Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Thoàng

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1990
- ✓ Từ năm 2000 đến nay

Cán bộ Ban tài chính vật giá thị xã Cẩm Phả
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Bà Thái Hương

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1982 đến 1985
- ✓ Từ năm 1985 đến 1989
- ✓ Từ năm 1989 đến 1994
- ✓ Từ năm 1994 đến nay

Cán bộ Ban vật giá tài chính Hải Phòng
Cán bộ kế toán Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ An
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hương Hà
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Võ Văn Quang

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1986
- ✓ Từ năm 1986 đến 1992
- ✓ Từ năm 1993 đến 1997
- ✓ Từ năm 1997 đến 2009
- ✓ Từ năm 2009 đến nay

Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 02 – Sở Xây Dựng Nghệ An
Cán bộ/Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Nghệ An
Cán bộ/Phó Phòng thanh tra các Ngân hàng TMCP Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chánh văn phòng Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGĐ Ngân hàng TMCP Bắc Á
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Đặng Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1997 đến 2003
- ✓ Từ năm 2003 đến 2007
- ✓ Từ năm 2006 đến nay

Trưởng Phòng Tín dụng – Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á
Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa – Ngân hàng TMCP Bắc Á
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt
Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Bà Hoàng Hồng Hạnh

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1987 đến 1992

Giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

✓ Từ năm 1992 đến 2000	Cán bộ Hội sở chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
✓ Từ năm 2000 đến 2002	Phó trưởng phòng Vốn Hội sở chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
✓ Từ năm 2007 đến 2009	Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn Hội sở chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
✓ Từ năm 2009 đến 2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Intimex Việt Nam
✓ Từ năm 2010 đến 2013	Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý Đầu tư Quốc tế
✓ Từ năm 2013 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên HĐQT độc lập

❖ **Ban Kiểm soát**

Ông Phạm Hồng Công

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1984 đến 1991	Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Vật liệu xây dựng Vinh
✓ Từ năm 1992 đến 1994	Kế toán trưởng Tổng đội Thanh niên xây dựng kinh tế Vinh
✓ Từ năm 1994 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Kim Thư

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1994 đến 1998	Kế toán tổng hợp Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 1999 đến 2009	Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2010 đến nay	Cán bộ Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên
✓ Từ năm 2011 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Ông Thái Đình Long

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2002 đến 2008	Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên
✓ Từ năm 2008 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **Ban Điều hành**

Bà Thái Hương – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Ông Đặng Trung Dũng

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1995 đến năm 1996	Kế toán tổng hợp, Phó Giám đốc Tài chính Công ty VIFOCO tại Hà Nội

✓ Từ năm 1996 đến năm 2000	Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng VIB
✓ Từ năm 2001 đến năm 2004	Trưởng Phòng Tín dụng, BAC A BANK
✓ Từ năm 2004 đến năm 2006	Phó Giám đốc phụ trách BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2006 đến năm 2016	Phó Tổng Giám đốc thường trực, SHB Bank
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Chu Nguyên Bình

Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2001 đến năm 2002	Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán KPMG
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Trưởng phòng Kiểm toán và tư vấn, Công ty Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn Việt Nam (AACC)
✓ Từ năm 2003 đến năm 2006	Chuyên viên Kinh doanh Vốn và Ngoại tệ, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2006 đến năm 2008	Giám đốc Nguồn vốn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
✓ Từ năm 2008 đến năm 2015	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Ngoại tệ, BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Ông Nguyễn Trọng Trung

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1986 đến năm 1989	Kế toán – Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh – Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh.
✓ Từ năm 1989 đến năm 1994	Kế toán Tổng hợp – Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh – Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh.
✓ Từ năm 1994 đến năm 2003	Kế toán Tổng hợp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2003 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, BAC A BANK.
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Lợi

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1994 đến năm 1997	Nhân viên Ngân hàng Công thương
✓ Từ năm 1997 đến năm 2008	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Trung ương (qua các vị trí nhân viên, phó phòng, trưởng phòng)
✓ Từ năm 2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

Ông Nguyễn Việt Hanh

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Chuyên viên nguồn vốn, Vietcombank Hội sở chính
✓ Từ năm 2006 đến năm 2006	Phó phòng Nguồn vốn, BAC A BANK, Hội sở chính

✓ Từ năm 2006 đến năm 2014	Giám đốc BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2014 đến năm 2017	Phó TGD phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ và Khối Hỗ trợ Tác nghiệp, BAC A BANK
✓ Từ năm 2017 đến nay	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành

Ông Nguyễn Ái Dân

Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Quá trình công tác	
✓ Trước 01/08/2005	Giám đốc IT VIB BANK
✓ Từ năm 2005 đến năm 2016	Trưởng ban CNTT, BAC A BANK
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối CNTT, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối CNTT

Ông Lê Ngọc Hồng Nhật

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1998 đến năm 2002	Chuyên viên Tín dụng, Thẩm định, Nguồn vốn BIDV CN Hà Tĩnh.
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Phó phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Trưởng phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2005 đến năm 2008	Trưởng phòng Tài chính BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2008 đến năm 2009	PGĐ Sở giao dịch BAC A BANK
✓ Từ năm 2009 đến năm 2015	Giám đốc Khối Tài chính BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính – kế toán, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính – kế toán

Ông Nguyễn Quốc Đạt

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1999 đến năm 2005	Ngân hàng Công thương Việt Nam
✓ Từ năm 2005 đến năm 2008	Ngân hàng Mizuho Corporate - Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2008 đến năm 2015	Giám đốc BAC A BANK CN Kim Liên
✓ Từ năm 2015 đến năm 2015	Phó TGD Phụ trách miền Nam, BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó TGD kiêm GĐ CN Hồ Chí Minh, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó TGD kiêm GĐ CN Hồ Chí Minh

Ông Võ Văn Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Bà Nguyễn Hồng Yến

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2003 đến 2007	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á – Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2007 đến 2010	Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Bắc Á – Hội sở Vinh
✓ Từ năm 2010 đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Kế toán trưởng

2.2.2. Thay đổi Ban Điều hành trong năm

Trong năm 2018, Ngân hàng không có thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành.

2.2.3. Cán bộ, nhân viên

• Số lượng lao động

Tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống (bao gồm cả công ty con) đến 31/12/2018 là 2.042 người, tăng 426 người so với năm 2017.

Trong năm 2018, công tác tuyển dụng tập trung vào tuyển nhân sự mới cho các Phòng giao dịch và Chi nhánh mở mới và tuyển bổ sung, thay thế các trường hợp nghỉ việc, bổ nhiệm/điều chuyển. Công tác tuyển dụng luôn đảm bảo tính minh bạch, công khai, tuân thủ quy trình.

• Đào tạo lao động

Đối với công tác đào tạo, các chương trình đào tạo được thiết kế bài bản, khoa học, có nhiều tài liệu tham khảo tốt, có tính ứng dụng thực tế và được áp dụng đúng theo kế hoạch đã được đặt ra. Trong năm 2018 đã thực hiện 28 khóa đào tạo gồm 70 lớp học với 8.931 lượt học viên tham dự, tăng 6.272 lượt, tương ứng tăng 235,9% so với năm 2017. Các chương trình đào tạo chủ yếu là:

- Đào tạo cơ bản và đào tạo hội nhập cho nhân viên mới
- Đào tạo kỹ năng mềm
- Đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu
- Đào tạo cập nhật nội dung chính sách, sản phẩm mới
- Đào tạo kỹ năng lãnh đạo – quản lý
- Các chương trình đào tạo bên ngoài khác

2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

2.3.1. Tổng quan về tình hình đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính của BAC A BANK bao gồm đầu tư cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong đó, Ngân hàng chú trọng đầu tư danh mục trái phiếu Chính phủ với độ an toàn, thanh khoản cao, hạn chế đầu tư cổ phiếu nhằm hạn chế rủi ro. Tình hình đầu tư tài chính của Ngân hàng trong năm 2018 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng giảm
1	Cổ phiếu	136	129	-5,1%
2	Tín phiếu	1.000	1.970	97,0%
3	Trái phiếu	18.406	15.985	-13,2%
	<i>Trong đó: Trái phiếu CP</i>	<i>10.167</i>	<i>8.778</i>	<i>-13,7%</i>
	<i>Trái phiếu TCTD khác</i>	<i>7.476</i>	<i>6.720</i>	<i>-10,1%</i>
	<i>Trái phiếu TCKT khác</i>	<i>764</i>	<i>487</i>	<i>-36,3%</i>
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn	288	304	5,6%
	Tổng đầu tư	19.830	18.388	-7,3%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2018)

Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng các khoản mục đầu tư tài chính của Ngân hàng là 18.388 tỷ đồng, giảm 7,3% so với năm 2017, chiếm tỷ trọng 18,95% trên tổng tài sản. Trong đó, đầu tư trái phiếu chiếm 86,93% tổng danh mục đầu tư, cổ phiếu chỉ chiếm 0,71% trên tổng danh mục, còn lại tín phiếu kho bạc và góp vốn đầu tư dài hạn lần lượt chiếm 10,71% và 1,65% tổng danh mục đầu tư.

Ngân hàng chú trọng đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD (chiếm tỷ trọng 84,28% trên tổng danh mục đầu tư) với độ an toàn cao. Đây là tài sản dự trữ thanh khoản quan trọng của Ngân hàng với mức độ sinh lời hợp lý.

Tổng các khoản góp vốn dài hạn năm 2018 là 304 tỷ đồng, chiếm 1,65% tổng khoản mục đầu tư. Đối với hoạt động góp vốn đầu tư, Ngân hàng chú trọng ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, y tế, giáo dục và an sinh xã hội, đồng thời thực hiện kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động các dự án/công ty mà Ngân hàng góp vốn, kiên quyết thoái vốn khỏi các đơn vị làm ăn không hiệu quả và các đơn vị có lĩnh vực đầu tư không thuộc lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng.

Hoạt động tư vấn đầu tư đã có thành công đối với nhiều dự án cải thiện chất lượng sống như chế biến thực phẩm sạch, sữa sạch, dược liệu sạch hay các bệnh viện, trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam. Điển hình là các dự án: Dự án TH True Milk, Dự án dược liệu TH Herbal, Dự án trường học TH School, Dự án rau quả sạch FVF... Năm 2017, một số dự án lớn do Ngân hàng tư vấn đầu tư đã được khởi công là Dự án nước tinh khiết, thảo dược và hoa quả Núi Tiên, Dự án bò sữa tại Hà Giang, Phú Yên, Dự án nhà máy chế biến hoa quả Sơn La. Đầu năm 2018, Trang trại bò sữa đầu tiên thuộc Dự án Tổ hợp Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa công nghệ cao tại Liên bang Nga chính thức khánh thành và Nhà máy chế biến sữa thuộc Dự án này cũng được khởi công vào tháng 9/2018. Cuối năm 2018, sản phẩm TH True Water thuộc Dự án nước tinh khiết, thảo dược và hoa quả Núi Tiên chính thức ra mắt tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An.

Ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm rà soát, đánh giá lại toàn bộ các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp khác. Mục tiêu của Ngân hàng là giảm dần việc góp vốn, mua cổ phần, đầu tư có hiệu quả chưa cao, cơ cấu lại các khoản góp vốn theo hướng tập trung vào các công ty, dự án có hiệu quả cao, phù hợp với định hướng khuyến khích đầu tư của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

2.3.2. Các công ty con

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Bắc Á

Hoạt động chính của Công ty là tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

Trong năm qua, hoạt động của công ty có một vài điểm nổi bật sau:

- Kết quả thu hồi nợ năm 2018 toàn Công ty là 96,8 tỷ đồng với 81 vụ việc được xử lý, giải quyết.
- Thực hiện hoàn thành 2.532 vụ việc thẩm định giá tài sản, toàn bộ các vụ việc thẩm định đều được hoàn thành, trong thời hạn quy định, phần lớn đều đáp ứng được sự tin tưởng từ Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh và khách hàng.
- Trong năm 2018 Công ty quản lý tổng cộng 08 tài sản, với tổng giá trị khoảng 32 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện chuyển nhượng đối với 02 tài sản, cho thuê đối với 01 tài sản, Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tài sản trong năm của Công ty là 2,8 tỷ đồng.

❖ Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á

Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á được thành lập ngày 05 tháng 09 năm 2017. Tính đến hết 31/12/2018, Công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất.

2.4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2018 của Ngân hàng như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Quy mô vốn			
	Vốn chủ sở hữu	5.007	5.507	9,99%
	Vốn điều lệ	5.000	5.500	10,00%
2	Chất lượng tài sản			
	Tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng	0,63%	0,76%	0,13%
	Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay khách hàng	0,71%	0,83%	0,12%
	Quỹ dự phòng/Nợ xấu cho vay KH	174,29%	121,62%	-52,67%
3	Khả năng thanh khoản			
	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	14,32%	18,32%	4,00%
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	70,00%	73,79%	3,79%
4	Khả năng sinh lời			
	ROA	0,66%	0,72%	0,06%
	ROE	12,03%	10,07%	-1,96%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2018)

2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	148	550.000.000	5.500.000.000.000	100
1	Tổ chức	8	20.280.771	202.807.710.000	3,69
2	Cá nhân	140	529.719.229	5.297.192.290.000	96,31
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng		148	550.000.000	5.500.000.000.000	100

- Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

STT	Cổ phiếu	31/12/2018	31/12/2017
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	550.000.000	500.000.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	550.000.000	500.000.000
	Cổ phiếu phổ thông	550.000.000	500.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi		
3	Số lượng cổ phiếu được mua lại		
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	550.000.000	500.000.000
	Cổ phiếu phổ thông	550.000.000	500.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi		
5	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2018)

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

2.6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BAC A BANK không tài trợ các dự án vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

2.6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Đối với công tác tiền lương, Ngân hàng đã hoàn thành việc tính lương tháng, các loại lương kinh doanh, thường và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động đảm bảo không có sai sót và đúng thời gian quy định. Hằng năm, bộ phận lương và chế độ phúc lợi của Ngân hàng đều thực hiện khảo sát tiền lương trên toàn hệ thống.

Trong năm 2018, Ngân hàng cũng tổ chức cho cán bộ khám sức khỏe định kỳ, đồng thời triển khai chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe Bảo Việt cho toàn bộ CBNV của BAC A BANK, chương trình phúc lợi này được CBNV ngân hàng hưởng ứng đánh giá cao.

2.6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

BAC A BANK luôn cam kết hoạt động hướng tới cộng đồng, xứng đáng với những giải thưởng đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận trong những năm qua như “Ngân hàng vì cộng đồng” 3 năm liên tiếp 2015-2017 do Tổ chức Dữ liệu quốc tế IDG trao tặng và “Ngân hàng trách nhiệm xã hội tốt nhất Việt Nam 2016” do Tạp chí Tài chính Quốc tế IFM trao tặng. Năm 2018, BAC A BANK đã chi hơn 3,54 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội như tài trợ giáo dục, y tế, ủng hộ người nghèo, khắc phục thiên tai, đền ơn đáp nghĩa và một số hoạt động khác.

- **Tài trợ giáo dục**

Năm 2018, ngân sách tài trợ cho giáo dục của Ngân hàng là hơn 1 tỷ đồng. Trong đó, Ngân hàng đã ủng hộ số tiền 500 triệu đồng thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt để xây dựng Trường Tiểu học Tri Lễ, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Tri Lễ là một trong những xã nghèo nhất tỉnh Nghệ An, nằm giáp ranh với biên giới nước Lào, cách trung tâm huyện Quế Phong hơn 30km đường đồi núi hiểm trở. Xã có 8 bản người Mông, gần như tách biệt với bên ngoài, không đường, không điện, không nước sạch, không internet. Chính sự khó khăn về điều kiện đường sá và cơ sở hạ tầng đó đã khiến việc được đến trường của những đứa trẻ vùng cao càng trở nên khó khăn hơn.

Cũng trong năm 2018, Ngân hàng đã trao hàng trăm suất học bổng với tổng trị giá hơn 500 triệu đồng cho các em học sinh nghèo vượt khó, học sinh miền núi tiêu biểu trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Bình...

- **Hoạt động đền ơn đáp nghĩa**

Năm vừa qua, Ngân hàng tiếp tục phụng dưỡng 9 bà Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa bàn tỉnh Nghệ An. Suốt từ năm 2014 đến nay, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã nhận phụng dưỡng suốt đời đối với 10 bà Mẹ Việt Nam anh hùng với tổng số tiền khoảng 180 triệu đồng mỗi năm. Hàng năm, Ngân hàng đều cử cán bộ đến thăm nom, chia sẻ và tặng quà các Mẹ mỗi dịp lễ tết.

Cũng trong năm 2018, Ngân hàng đã ủng hộ, tài trợ rất nhiều chương trình đền ơn đáp nghĩa như: tài trợ chương trình “Ân tình xứ Nghệ”, “Gặp mặt đồng đội và tri ân các gia đình liệt sỹ nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Trung đoàn 27”, hỗ trợ Hội cựu chiến binh sư đoàn 312, ủng hộ Quỹ Vì Trường Sa thân yêu. Ngoài ra, trong năm qua, Ngân hàng cũng đã thường xuyên tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa khác trên địa bàn Hà Nội, Nghệ An, Quảng Bình, Nha Trang và TP Hồ Chí Minh.

- **Ủng hộ người nghèo, khắc phục thiên tai**

Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, Hội sở chính và các Chi nhánh BAC A BANK trên khắp cả nước đã phối hợp cùng với các Cơ quan, Đoàn thể tổ chức kêu gọi quyên góp, ủng hộ hàng tỷ đồng để khắc phục thiên tai và ủng hộ người nghèo. Trong đó, các hoạt động khắc phục thiên tai trong năm 2018 phải kể đến như tài trợ cho đồng bào lũ lụt tại tỉnh Hà Giang, khắc phục thiệt hại sau

gió lốc kèm mưa đá trên địa bàn Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, tài trợ khắc phục thiệt hại lũ lụt tại Chương Mỹ, Hà Tây, Hà Nội.

Về hoạt động ủng hộ người nghèo, Ngân hàng TMCP Bắc Á chủ yếu thực hiện tài trợ qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn Ngân hàng Nhà nước, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Vì Tầm vóc Việt và tổ chức một số hoạt động thăm hỏi, động viên trẻ em nghèo, làng trẻ mồ côi trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Kiên Giang. Tổng số tiền Ngân hàng đã chi cho các hoạt động này trong năm 2018 là hơn 750 triệu đồng.

- **Hoạt động ủng hộ, từ thiện khác**

Trong năm 2018, Ngân hàng tiếp tục lần thứ 5 liên tiếp đồng hành tài trợ số tiền 500 triệu đồng cho Chương trình hiến máu nhân đạo Chủ nhật đỏ do Báo Tiền Phong tổ chức trên quy mô toàn quốc. Bên cạnh đó, thông qua Quỹ Vì tầm vóc Việt, Ngân hàng cũng đã ủng hộ 540 triệu đồng cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

Ngoài các hoạt động nêu trên, trong suốt những năm vừa qua, Ngân hàng Bắc Á và các Đơn vị trực thuộc vẫn luôn thường xuyên tham gia, hưởng ứng và tài trợ các chương trình có ý nghĩa theo lời kêu gọi của các Cơ quan, ban ngành, tổ chức thiện nguyện trên khắp cả nước thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao của BAC A BANK đối với cộng đồng, xã hội.

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh

- ❖ **Tăng trưởng ổn định, an toàn, bền vững**

Trong các năm vừa qua, tổng tài sản và các chỉ tiêu kinh doanh chính đều đạt mức tăng trưởng liên tục và ổn định. Tổng tài sản BAC A BANK đạt mức tăng trưởng trung bình từ năm 2014 đến 2018 là 14,18%/năm; tổng huy động vốn đạt mức tăng trung bình 13,77%/năm; dư nợ cho vay khách hàng tăng trung bình 16,78%/năm; lợi nhuận sau thuế đạt mức tăng trung bình là 29,18%/năm.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, các chỉ số an toàn hoạt động vẫn luôn được đảm bảo và tuân thủ theo quy định hiện hành. Năm 2018, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng đạt 11,15% (quy định của NHNN là >9%), tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 73,79% (quy định của NHNN là <80%), tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng là 0,76%, tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 18,32% (quy định của NHNN là >10%).

- ❖ **Tiếp tục phát triển theo đúng định hướng chiến lược đã đặt ra là một ngân hàng tư vấn đầu tư và cấp tín dụng cho các khách hàng trong các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục**

Những năm qua, với tư duy hành động Nghiêm túc - Chân chính - Kiêu hãnh và chiến lược sử dụng Trí tuệ Việt, Tài nguyên Thiên nhiên Việt kết hợp với Công nghệ đầu cuối của thế giới, Ngân hàng Bắc Á đã tham gia tư vấn đầu tư sản xuất sạch bằng việc đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Một số dự án nổi bật năm 2018 là:

- Dự án Vùng nguyên liệu cho bò sữa và Trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung quy mô công nghiệp công nghệ cao tại Phú Yên, Thanh Hóa, Hà Giang.
- Dự án Phát triển Rau, củ, quả và dược liệu và Nhà máy chế biến quả và đồ uống nước hoa quả công nghệ cao tại tỉnh Sơn La.
- Dự án Xây dựng nhà máy chế biến gỗ và phát triển rừng bền vững tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An.
- Dự án Sản xuất rau củ quả hữu cơ và gạo chất lượng cao tại Thái Bình. Dự án trồng cây ăn quả và cây lấy gỗ Núi Tiên và Xây dựng mô hình thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An.

- Dự án Nhà máy sản xuất nước tinh khiết và nước hoa quả Núi Tiên tại xã Nghĩa Sơn - huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An chính thức hoàn thành và ra mắt sản phẩm TH True Water vào ngày 18/12/2018.
- Dự án trồng và chế biến hoa quả đặc trưng Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk, Dự án Trồng và chế biến dược liệu công nghệ cao tại tỉnh Hà Giang, Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm tự nhiên Tây Nguyên tại tỉnh Lâm Đồng, Dự án trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ kết hợp Du lịch hồ Vệ Vường tại tỉnh Nghệ An.
- Dự án Chinh phục - sân chơi kiến thức cho các em học sinh THCS được tổ chức năm thứ 3, nhận được sự quan tâm tham gia, đánh giá cao của đồng đảo phụ huynh và học sinh.
- Trong năm 2018 Dự án Tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến của Tập đoàn TH do BAC A BANK tư vấn đầu tư tại tỉnh Moscow và Kaluga (Liên Bang Nga) với tổng vốn đầu tư 2,7 tỷ USD đã hoàn tất giai đoạn xây dựng cụm trang trại, cánh đồng nguyên liệu và nhập đàn bò đầu tiên. Dự án này đã khánh thành Trang trại bò sữa đầu tiên vào tháng 1/2018 và bắt đầu khởi công Nhà máy chế biến sữa từ tháng 9/2018.

❖ **Phát triển mạng lưới rộng khắp**

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 126 điểm trên địa bàn 27 tỉnh/thành phố với 01 Hội sở chính, 35 Chi nhánh và 90 Phòng giao dịch. Ngày 29/01/2019, Chi nhánh Thành phố Vinh đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 127 điểm.

Theo kế hoạch về mạng lưới đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, dự kiến năm 2019, Ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động ra các tỉnh thành phố khác, bao gồm 04 Chi nhánh mới tại Lạng Sơn, Hà Giang, Long An, Bình Định và 07 Phòng Giao dịch mới trên địa bàn Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nam, Đà Lạt.

❖ **Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ**

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của nền kinh tế, Ngân hàng luôn cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong các năm gần đây, Ngân hàng đã giới thiệu đến khách hàng hàng loạt các sản phẩm dịch vụ hấp dẫn, phục vụ các nhu cầu tài chính thiết yếu.

• **Các sản phẩm tín dụng mới linh hoạt, đa dạng**

Nắm bắt được nhu cầu mua sắm lớn (nhà đất, xe cộ) và chi tiêu ngày càng tăng của khách hàng, BAC A BANK tiếp tục cung cấp nhiều sản phẩm cho vay đa dạng, phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng như Cho vay mua ô tô – Dream Car, Cho vay mua Bất động sản – Dream Home, Cho vay mua nhà dự án – Premium Home, Cho vay sửa chữa nhà – Fine House, Cho vay học phí TH School – Dream School và Cho vay tiêu dùng – Smart Life.

Trong năm 2018, Ngân hàng đã triển khai thêm các sản phẩm tín dụng mới là Cho vay bổ sung vốn kinh doanh đối với Khách hàng cá nhân, Cho vay đầu tư tài sản dài hạn phục vụ sản xuất kinh doanh đối với Khách hàng cá nhân, Cho vay sản xuất nông nghiệp trồng rau, hoa, quả dành cho Khách hàng cá nhân, Cho vay cầm cố Tài sản bảo đảm là tiền gửi dành cho Khách hàng doanh nghiệp.

Bên cạnh việc cung cấp nhiều sản phẩm tín dụng đa dạng, trong năm qua, BAC A BANK cũng đã triển khai rất nhiều chương trình ưu đãi nhằm hỗ trợ tối đa cho nhu cầu vay vốn của khách hàng, cụ thể:

- Ngày 22/02/2018, BAC A BANK triển khai Chương trình “Vay vốn lưu động, Nhân rộng sản xuất” dành cho Khách hàng doanh nghiệp có tài sản đảm bảo nhằm hỗ trợ Doanh nghiệp bổ sung kịp thời vốn lưu động để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, giúp nắm bắt hiệu quả cơ hội tăng trưởng và phát triển.

- Ngày 02/04/2018, BAC A BANK triển khai Chương trình “Ô tô Doanh nghiệp: Tiếp bước thành công” nhằm hỗ trợ Khách hàng tiếp cận dễ dàng nguồn vốn vay, nhanh chóng sở hữu ô tô du lịch dưới 09 chỗ phục vụ mục đích đi lại của Doanh nghiệp.
- Ngày 04/04/2018, BAC A BANK triển khai Chương trình “Ngôi nhà mới, Tậu xe sang, Ưu đãi vàng” dành cho Khách hàng cá nhân nhằm hỗ trợ Khách hàng hiện thực hóa mong muốn sở hữu những tài sản giá trị, tận hưởng cuộc sống tiện nghi hay đồng hành cùng kế hoạch kinh doanh của Khách hàng.
- Ngày 17/09/2018, BAC A BANK triển khai chương trình “BAC A BANK đồng hành cùng Doanh nghiệp” với ưu đãi lãi suất đặc biệt dành riêng cho Khách hàng doanh nghiệp vay thời hạn ngắn (từ 06 tháng trở xuống).

- **Các sản phẩm tiết kiệm mới**

Ngày 30/11/2018, BAC A BANK ra mắt sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi với mức lãi suất rất cạnh tranh, giúp gia tăng lợi ích nhiều hơn cho khách hàng.

Ngày 10/12/2018, BAC A BANK chính thức triển khai sản phẩm Tiết kiệm quân nhân. Sản phẩm này nhằm mục đích thu hút đối tượng khách hàng đang phục vụ trong lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam và có ý nghĩa tri ân những người đang bảo vệ và gìn giữ hòa bình cho Tổ quốc.

Hai sản phẩm mới này cùng với những sản phẩm tiết kiệm đã và đang được triển khai hiệu quả như “Tiết kiệm người cao tuổi”, “Tiết kiệm Người xây tổ ấm”, “Tiết kiệm sinh lợi mỗi ngày” và “Tiền gửi trực tuyến” đã góp phần giúp Huy động vốn thị trường 1 năm 2018 tăng trưởng 14,76% so với năm 2017.

- **Các chương trình tri ân khách hàng, khuyến mại hấp dẫn**

Với phương châm luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, BAC A BANK không ngừng cung cấp những trải nghiệm tuyệt vời cho người gửi tiền bằng giá trị gia tăng vượt trội. Trong năm 2018, Ngân hàng đã triển khai hàng loạt các chương trình khuyến mại hấp dẫn, cạnh tranh như: Chương trình “Lời chúc ý nghĩa, Trao gửi yêu thương” nhằm tôn vinh “một nửa thế giới” nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Chương trình “Chọn BAC A BANK, Nhận ưu đãi lớn”, Chương trình “Cài app liền tay - nhận ngay quà tặng” dành cho những khách hàng đầu tiên tải ứng dụng BAC A BANK Mobile Banking trên điện thoại và đặc biệt Chương trình khuyến mại “24 năm Tâm sáng vươn xa” nhân dịp kỷ niệm 24 năm thành lập BAC A BANK với tổng giá trị giải thưởng lên tới gần 03 tỷ đồng.

Ngoài ra, BAC A BANK cũng đã liên kết với các đối tác cung cấp dịch vụ và mua sắm, thường xuyên triển khai các ưu đãi dành riêng cho các khách hàng là chủ thẻ của BAC A BANK như: Vietel, Mobiphone, Vinaphone, Lazada, Adayroi, Vietnam Airlines, CGV Vietnam, BHD Star Cineplex...

- **Siêu thị tài chính BAC A BANK**

BAC A BANK hướng đến mô hình - siêu thị tài chính một cửa cho khách hàng. Đây là mô hình kinh doanh kết hợp ngân hàng - bảo hiểm (bancassurance), mang lại những tiện ích vượt trội cho khách hàng. Đến với BAC A BANK, khách hàng sẽ được tiếp cận một siêu thị tài chính đúng nghĩa nơi có thể lựa chọn các giải pháp tài chính ngân hàng phù hợp với từng nhu cầu khác biệt.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, khách hàng được tư vấn các sản phẩm bảo hiểm cho chính khách hàng và tài sản của khách hàng: bảo hiểm xe ô tô B-auto, bảo hiểm nhà Bhome, bảo hiểm mọi rủi ro tài sản... BAC A BANK còn cung cấp loại hình bảo hiểm tín dụng cá nhân giúp các khách hàng vay vốn yên tâm khi mọi kế hoạch dự định ban đầu sẽ luôn được đảm bảo trong mọi trường hợp. Với những khách hàng có nhu cầu đảm bảo tài chính dài hạn cho tương lai học vấn của con, nhu cầu hưu trí và bảo vệ sức khỏe, BAC A BANK cũng có rất nhiều giải pháp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng như An Tâm Hưng Thịnh hay An Phúc Hưng Thịnh – sản phẩm liên kết với công ty bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi.

❖ **Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp**

Nhằm khuyến khích phong trào thi đua nội bộ và thúc đẩy doanh số hoạt động, BAC A BANK đã triển khai hàng loạt các chương trình thi đua trong năm 2018 như: Chương trình thi đua Phát hành thẻ và Phát triển Tài khoản Ngân hàng điện tử, Chương trình thúc đẩy giải ngân bán lẻ “Sen vàng tăng trưởng - Giải ngân bán lẻ”, Chương trình thúc đẩy giải ngân bán buôn “Phát triển doanh nghiệp - tiếp sức thành công”, Chương trình thúc đẩy giải ngân KHDN thuộc dự án tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản, Chương trình thi đua Phát hành thẻ và Phát triển tài khoản Ngân hàng điện tử, Chương trình thi đua Đồng hành cùng BAC A BANK.

Cũng trong năm 2018, BAC A BANK đã triển khai chuỗi các chương trình thi đua nội bộ của Mô hình hợp tác kinh doanh bảo hiểm BAC A BANK – DAI-ICHI: “Thổi lửa mừng Xuân 2018”, “Điểm hẹn Đà Nẵng 2018”, “Đường đua Dubai - Đẳng cấp dẫn đầu”, “Tăng tốc tháng 7”, “Tăng tốc về đích 2018”. Nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh hoàn thành, vượt chỉ tiêu thu phí bảo hiểm và thúc đẩy công tác thu phí chung của toàn hàng năm 2018, BAC A BANK đã triển khai các chương trình thi đua nội bộ với cơ cấu giải thưởng hấp dẫn.

3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

3.2.1. Tình hình tài sản

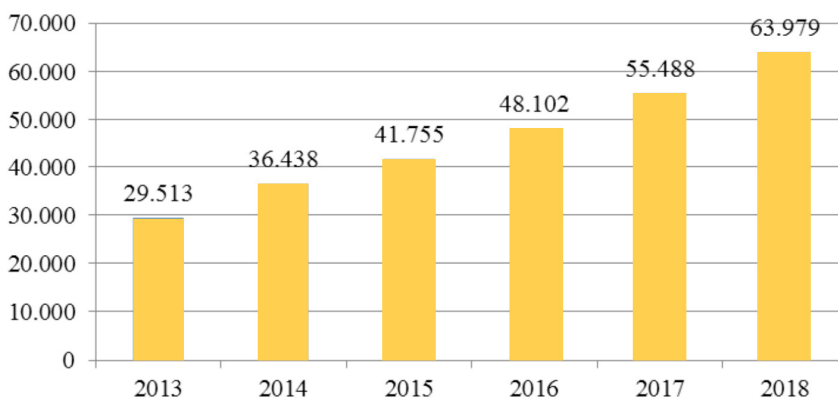
Trong cơ cấu tài sản Ngân hàng, tín dụng và các khoản mục đầu tư luôn chiếm tỷ trọng cao trong bảng tổng tài sản. Trong năm 2018, các khoản mục tài sản của Ngân hàng tăng trưởng ổn định và đi kèm với đó là chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.

❖ **Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định với cơ cấu hợp lý, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng**

Trong suốt những năm qua, BAC A BANK luôn kiên định con đường hướng tới các khách hàng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, mang tính an sinh xã hội nhằm tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững. Với đường lối đó, Ngân hàng đã ưu tiên nguồn vốn tín dụng và tư vấn đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng như bệnh viện, trường học, sản xuất dược liệu và sửa tươi sạch...

Cho vay khách hàng

(Đơn vị: Tỷ đồng)



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2013 đến 2018)

Trong giai đoạn vừa qua tổng dư nợ cho vay khách hàng của BAC A BANK liên tục tăng trưởng. Năm 2018, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 63.979 tỷ đồng, tăng 8.491 tỷ đồng, tương ứng tăng 15,30% so với năm 2017. Trong đó, Ngân hàng ưu tiên nguồn vốn cấp tín dụng cho các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế như lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, y tế và giáo dục; hạn chế cho vay các lĩnh vực nhiều rủi ro như bất động sản, chứng khoán.

Mặc khác, Ngân hàng chú trọng duy trì sự cân đối giữa cho vay và huy động về cả quy mô, kỳ hạn và loại tiền, đảm bảo sự an toàn, giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của Ngân hàng luôn bám sát chiến lược theo từng thời kỳ, đảm bảo cân đối về kỳ hạn với nguồn vốn huy động, từ đó góp phần quản lý thanh khoản hiệu quả và giảm thiểu rủi ro về lãi suất. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi luôn đảm bảo dưới 80% theo quy định của NHNN (tại thời điểm 31/12/2018, tỷ lệ này là 73,79%).

Cùng với sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tín dụng theo định hướng đã đề ra, chất lượng tín dụng cũng luôn được BAC A BANK quan tâm đúng mức. Ngân hàng luôn thực hiện việc kiểm soát chính sách tín dụng một cách chặt chẽ và thận trọng. Công tác rà soát, phân loại nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của NHNN luôn được thực hiện nghiêm túc. Tại thời điểm cuối năm 2018, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng của Ngân hàng là 0,76% tổng dư nợ cho vay.

❖ **Ngân hàng thực hiện đầu tư linh hoạt, hiệu quả**

Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, đồng thời giảm dần phụ thuộc thu nhập từ tín dụng, Ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và luôn duy trì tỷ trọng đầu tư hợp lý trong tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD với ưu điểm ít rủi ro và có tính thanh khoản tốt với mức sinh lời hợp lý. Ngân hàng chủ trương không chú trọng đầu tư cổ phiếu. Với nguồn vốn khả dụng dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng thận trọng thì việc đầu tư vào trái phiếu là tối ưu, vừa đảm bảo khả năng sinh lời vừa đảm bảo tính thanh khoản cao cho Ngân hàng, đồng thời cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc thu nhập vào hoạt động tín dụng.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả

❖ **Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững**

Huy động vốn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, bởi đây là nguồn vốn khả dụng chủ yếu cho các hoạt động tín dụng và đầu tư. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Ngân hàng đã triển khai các chương trình khuyến mại hấp dẫn, không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi phù hợp với từng phân khúc khách hàng đồng thời đẩy mạnh công tác thương hiệu nhằm thu hút khách hàng.

Năm 2018, huy động vốn thị trường 1 tăng 9.503 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,76% so với năm 2017, nâng tổng huy động vốn thị trường 1 lên 73.868 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 84,52% trên tổng huy động vốn. Huy động từ thị trường 2 tại thời điểm 31/12/2018 là 13.531 tỷ đồng chỉ chiếm tỷ trọng 15,48% tổng huy động. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Đạt được kết quả tích cực trong công tác huy động vốn có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng đã tạo được dấu ấn tốt và niềm tin cho khách hàng. Sau thời gian tự tái cấu trúc chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới của một ngân hàng thương mại hiện đại, đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, tính chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của Ngân hàng đã được nâng cao và đã tạo được ấn tượng tốt với các khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng.

Trong thời gian qua Ngân hàng phát triển các dịch vụ, tiện ích phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, bên cạnh đó không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường khuyến mãi, quà tặng tri ân khách hàng thân thiết nhằm tạo mối quan hệ gắn bó. Công tác đào tạo cán bộ chăm sóc khách hàng cũng luôn chú trọng để đảm bảo chất lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu và chuyên nghiệp.

3.3. Kế hoạch phát triển

Với mục tiêu sẽ trở thành một ngân hàng đa năng có quy mô vừa, kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và ưu tiên cho vay các khách hàng trong lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp,

dược liệu sạch, y tế và giáo dục... BAC A BANK sẽ thúc đẩy toàn diện hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch trên mọi mặt công tác.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2019 là:

(1) - Về công tác huy động vốn: Tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế, khuyến khích tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ để duy trì ổn định nguồn vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện các giải pháp để tăng quy mô và tăng huy động kỳ hạn dài, tăng tỷ trọng huy động vốn TCKT, từng bước giảm dần giá vốn; Xây dựng gói chính sách ưu đãi, hấp dẫn song song với việc xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng VIP, tiến hành phân lớp khách hàng chi tiết hơn để thúc đẩy huy động vốn trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

(2) - Về hoạt động cho vay và xử lý nợ xấu: Thực hiện cho vay theo định hướng của HĐQT và mức tăng trưởng được giao của NHNN; Tăng cường giám sát hoạt động cho vay để đảm bảo chất lượng tín dụng, đơn đốc thu hồi nợ, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu; Đẩy mạnh công tác hỗ trợ tín dụng để thúc đẩy tín dụng tại các Chi nhánh. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, duy trì tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch đề ra, trích lập dự phòng rủi ro đủ theo quy định.

(3) - Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ hiện có, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài để bổ sung nhân sự cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Tiếp tục rà soát xây dựng, bổ sung đầy đủ và hoàn thiện các chính sách nhân sự, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển dụng.

(4) – Công tác tư vấn đầu tư: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn đầu tư gồm các nội dung tư vấn như: Lập báo cáo đầu tư cho các dự án; Tư vấn cấp giấy chứng nhận đầu tư/ quyết định chủ trương đầu tư; Tư vấn lập đề án/ phương án sản xuất kinh doanh; Tư vấn hoàn thiện thủ tục pháp lý; Tư vấn thu xếp vốn; Tư vấn về các chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư như thuế, đất đai, môi trường, các chính sách hỗ trợ đầu tư,... Phân đấu hoàn thành kế hoạch thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư đã đề ra từ đầu năm.

(5) - Về hoạt động dịch vụ: Thúc đẩy hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập thuần. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ tầng công nghệ. Thúc đẩy thực hiện Dự án ngân hàng số và Thẻ tín dụng.

(6) - Quản lý chi phí: Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chi phí hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống. Tăng cường quản lý chi phí thường xuyên, giám sát thực hiện các quy định thu chi nội bộ, tổng hợp đánh giá hiệu quả quản lý chi phí toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh.

(7) - Phát triển mạng lưới: Khẩn trương hoàn thành xây dựng cải tạo địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất và tuyển dụng nhân sự để đưa các Chi nhánh, Phòng giao dịch đã được cấp phép đi vào hoạt động sớm. Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát khả năng mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, hoàn thành các thủ tục xin cấp phép theo kế hoạch đề ra.

(8) - Công nghệ thông tin: Tiếp tục đầu tư để phát triển hệ thống công nghệ thông tin, duy trì hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật; Cải tiến các tính năng hiện có để nâng cao tính tiện dụng các nghiệp vụ hiện tại, đầu tư bổ sung các tính năng mới để đáp ứng tốc độ phát triển của ngân hàng; Xây dựng lộ trình cải tiến công nghệ phù hợp với xu thế phát triển công nghệ hiện nay.

(9) - Quản trị rủi ro: Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa, cảnh báo rủi ro, phát hiện kịp thời các sai phạm về hoạt động kinh doanh. Tham gia quá trình kiểm soát rủi ro đối với từng sản phẩm, từng quy trình, quy chế hoạt động vận hành tác nghiệp; Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong năm và triển khai thực hiện, chú trọng vào những đơn vị, những mảng nghiệp vụ có đánh giá mức độ rủi ro cao; Xử lý nghiêm các sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

(10) - Truyền thông quảng bá thương hiệu: Thực hiện tốt công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, công tác xã hội, thiện nguyện, tham gia các giải thưởng bình chọn của một số tổ chức uy tín trong nước và quốc tế... nhằm tiếp tục nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế thương hiệu BAC A BANK trên thị trường.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Năm 2018, tăng trưởng kinh tế thế giới chững lại ở mức 3,7% trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng. Thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm hơn dự báo và lạm phát toàn cầu có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá hàng hóa năng lượng tăng, đặc biệt giá dầu bình quân tăng mạnh.

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng (GDP) năm 2018 đạt 7,08%, vượt mục tiêu và tăng cao nhất trong các năm từ năm 2008 trở lại đây nhờ sự cải thiện mạnh về cả tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế.

Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT để ổn định thị trường tiền tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện thuận lợi để TCTD tăng cường khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế. Quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 được ngành Ngân hàng quan tâm triển khai, cùng với việc Quốc hội ban hành Nghị Quyết 42 tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc xử lý nợ xấu. Kết quả tái cơ cấu và xử lý nợ xấu bước đầu đã giúp hệ thống ngân hàng tiếp tục duy trì sự ổn định, ngăn ngừa nguy cơ gây mất an toàn hệ thống. Qua đó tiếp tục củng cố niềm tin của người dân đối với hệ thống ngân hàng và đóng góp thiết thực vào quá trình tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, BAC A BANK tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành và toàn hệ thống phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, tồn tại, đã nỗ lực hoàn thành những kết quả quan trọng như sau:

- Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2018

Toàn hệ thống BAC A BANK đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018, trong đó, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch và đạt cao nhất so với các năm trước đây gồm: Huy động vốn thị trường 1 đạt 73.868 tỷ đồng, tăng 14,76% so với năm 2017; Dư nợ cho vay khách hàng tăng 15,30% đạt 100,26% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 677 tỷ đồng, tăng 12,46%, đạt 102,58% kế hoạch.

Bên cạnh đó, BAC A BANK tuân thủ trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước về các chỉ số an toàn trong hoạt động. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh (ROE, ROA) của Ngân hàng nằm trong nhóm ngân hàng TMCP có chỉ số tốt.

- Năm bản lề thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2017 – 2020

Ngày 15/06/2018, NHNN chính thức thông qua Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2017 – 2020 của BAC A BANK. Ngay từ đầu năm, Ngân hàng đã đẩy mạnh thực hiện các nội dung trong Phương án cơ cấu lại để đạt mục tiêu trở thành một ngân hàng có quy mô vừa, tăng trưởng lành mạnh, chất lượng và hiệu quả cao, tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính, năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh,... Nhìn chung, đến cuối năm 2018, Ngân hàng đã thực hiện hoàn thành các nội dung mục tiêu, kế hoạch đề ra theo lộ trình thực hiện của Phương án.

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ sung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự

Trong năm 2018, BAC A BANK được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cấp phép và đã hoàn thành mở rộng mạng lưới hoạt động thêm 17 điểm giao dịch gồm 07 Chi nhánh và 10 Phòng giao dịch. Và ngay từ đầu năm 2019, Ngân hàng đã được cấp phép mở thêm 04 Chi nhánh và 07 Phòng giao dịch mới.

Đến 31/12/2018, BAC A BANK có mạng lưới 126 điểm giao dịch, gồm Hội sở, 35 Chi nhánh, 90 Phòng giao dịch tại 27 tỉnh thành trên toàn quốc với đội ngũ cán bộ nhân viên 2.042 người, cơ cấu tổ chức bộ máy được củng cố, nâng cấp, sắp xếp lại phù hợp.

- **Năm tiếp nối thành công của các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư**

Năm 2018 là năm tiếp nối thành công của các Dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư, điển hình là Tổ hợp chăn nuôi bò sữa và chế biến tại Nga đã hoàn thành cụm trang trại, cánh đồng nguyên liệu và khởi công nhà máy chế biến Sữa. Dự án Nhà máy sản xuất nước tinh khiết và nước hoa quả Núi Tiên tại xã Nghĩa Sơn - huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An chính thức hoàn thành và ra mắt sản phẩm TH True Water. Hàng loạt các dự án ứng dụng công nghệ cao cho nông nghiệp khác do BAC A BANK tư vấn đầu tư được khởi công.

- **Các giải thưởng được trao tặng**

Năm 2018, Lãnh đạo và Ngân hàng tiếp tục nhận được những giải thưởng có uy tín gồm: Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiên phong tư vấn đầu tư các dự án nông nghiệp sạch ở nước ngoài” và “Lãnh đạo truyền cảm hứng nhất năm 2018” do Tạp chí International Finance Magazine trao tặng, Giải thưởng “Ngân hàng có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm 2018”, Giải thưởng “Ngân hàng hỗ trợ tư vấn đầu tư công nghệ cao cho nông nghiệp sạch năm 2018” do Tổ chức dữ liệu quốc tế IDG trao tặng.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc và sát sao việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ Ngân hàng và quy chế Quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành để triển khai các nhiệm vụ, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành qua các cuộc họp định kỳ. Tổng Giám đốc tham dự đầy đủ các buổi họp, báo cáo tình hình mọi mặt hoạt động của Ngân hàng cũng như các kế hoạch sắp tới. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc cũng đưa ra nhiều ý kiến xây dựng quan trọng, đề xuất các kế hoạch trình Hội đồng Quản trị. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định kịp thời hoặc phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, triển khai thực hiện.

Năm 2018, trước những thách thức, khó khăn riêng của quá trình tái cơ cấu, cạnh tranh ngày càng cao trong ngành ngân hàng, Ban Điều hành đã tiếp tục chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở bám sát các định hướng của Hội đồng Quản trị cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra một cách mạnh mẽ, Ngân hàng đứng trước những cơ hội cũng như thách thức mới. Công nghệ đang dần ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách vận hành ngân hàng và công tác quản trị nguồn nhân lực cũng như ngày càng liên quan mật thiết đến cách thức ngân hàng kết nối với khách hàng. BAC A BANK đã nắm bắt xu hướng đó và đang chủ động chuẩn bị các tiền đề để xây dựng phát triển mô hình ngân hàng số, trước mắt là tập trung đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 để đạt mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu tại Việt Nam.

BAC A BANK tiếp tục phát huy thế mạnh tư vấn đầu tư và cho vay đối với các lớp khách hàng phát triển chuyên sâu và bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: với những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng, phù hợp với xu hướng thị trường; phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo sát sao Ban Điều hành và toàn hệ thống nỗ lực tối đa triển khai các giải pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019.

Các nội dung cơ bản trong chỉ đạo điều hành của Hội đồng Quản trị gồm:

- Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng lành mạnh, an toàn, có chất lượng và hiệu quả về quy mô hoạt động kinh doanh. Cụ thể: Tiếp tục triển khai tăng vốn điều lệ theo lộ trình để đảm bảo đáp ứng đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; Đẩy mạnh tăng trưởng huy động vốn khách hàng và chuyển dịch tăng huy động vốn kỳ hạn dài; Tăng trưởng tín dụng đúng định hướng, đảm bảo chất lượng tín dụng, quyết liệt xử lý nợ xấu; Tiếp tục cơ cấu lại danh mục tài sản, công nợ, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; Phát triển hệ thống mạng lưới, các kênh phân phối, phát triển thị trường và sản phẩm dịch vụ bán lẻ, tăng mức thu dịch vụ; Tiếp tục nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu, tham gia các giải thưởng, bình chọn uy tín.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự: Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có, hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, xây dựng các chính sách đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi để cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị phù hợp với các chuẩn mực hiện nay, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động để ngăn ngừa và phát hiện các sai phạm trong hoạt động kinh doanh.
- Công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về phát triển và công tác quản trị của Ngân hàng.
- Triển khai đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của thu nhập và lợi nhuận từ hoạt động tín dụng. Khai thác thu dịch vụ từ hoạt động thể mạnh là dịch vụ tư vấn đầu tư. Thúc đẩy việc thực hiện Dự án Ngân hàng số.
- Tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG	Trang
THÔNG TIN CHUNG	30
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	31
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	32 - 33
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	34 - 80
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	34 - 36
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	37
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	38 - 39
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	40 - 80

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 30 ngày 13/08/2018.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên
Bà Hoàng Hồng Hạnh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Công	Trưởng ban
Ông Thái Đình Long	Thành viên
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 51. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Ngân hàng không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Thái Hương
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Số: 250318.003/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

A blue ink signature of Nguyễn Thị Thanh Hà.

Nguyễn Thị Thanh Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2888-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	460.335	503.505
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	512.340	483.537
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	10.826.234	13.124.945
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		10.449.234	10.455.270
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		377.000	2.669.675
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	2.099.151	1.110.918
1	Chứng khoán kinh doanh		2.099.151	1.135.820
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(24.902)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính	7	82.891	35.812
VI	Cho vay khách hàng		63.385.736	54.874.639
1	Cho vay khách hàng	8	63.979.415	55.487.573
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(593.679)	(612.934)
VIII	Chứng khoán đầu tư	10	15.695.965	18.112.279
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		15.498.630	17.810.674
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		487.355	595.725
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(290.020)	(294.120)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	268.097	251.225
4	Đầu tư dài hạn khác		303.672	287.650
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(35.575)	(36.425)
X	Tài sản cố định		654.756	655.601
1.	Tài sản cố định hữu hình	12	115.855	114.411
a	Nguyên giá TSCĐ		301.925	281.007
b	Hao mòn TSCĐ		(186.070)	(166.596)
3.	Tài sản cố định vô hình	13	538.901	541.190
a	Nguyên giá TSCĐ		609.193	604.991
b	Hao mòn TSCĐ		(70.292)	(63.801)
XI	Bất động sản đầu tư		7.802	8.987
a	Nguyên giá BĐSĐT		7.802	8.987
XII	Tài sản Có khác	14	3.035.754	2.620.753
1	Các khoản phải thu		106.161	80.647
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.891.547	2.508.156
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		2.502	3.892
4	Tài sản Có khác		35.544	28.058
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		97.029.061	91.782.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	15	112.491	105.970
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	13.405.883	18.837.374
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		12.761.764	14.022.129
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		644.119	4.815.245
III	Tiền gửi của khách hàng	17	72.534.422	63.415.099
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	18	12.467	3.887
VI	Phát hành giấy tờ có giá	19	1.333.848	950.000
VII	Các khoản nợ khác		2.547.494	2.095.259
1	Các khoản lãi, phí phải trả		2.318.538	1.803.323
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	228.956	291.936
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		89.946.605	85.407.589
VIII	Vốn chủ sở hữu	21	7.082.456	6.374.612
1	Vốn của tổ chức tín dụng		5.507.398	5.007.398
a	Vốn điều lệ		5.500.000	5.000.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		7.398	7.398
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		400.015	312.172
5	Lợi nhuận chưa phân phối		1.175.043	1.055.042
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		97.029.061	91.782.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
			Triệu VND	Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	35	25.228	28.799
2	Cam kết giao dịch hối đoái	35	9.796.802	14.407.999
a	Cam kết mua ngoại tệ		1.387.200	1.569.750
b	Cam kết bán ngoại tệ		642.014	672.750
c	Cam kết giao dịch hoán đổi		7.767.588	12.165.499
5	Bảo lãnh khác	35	282.821	223.864

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yên

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Thái Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2018 Triệu VND	Năm 2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	7.588.025	6.812.157
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(5.889.353)	(5.154.240)
I	Thu nhập lãi thuần		1.698.672	1.657.917
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		92.810	75.554
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(19.806)	(13.859)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	73.004	61.695
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	16.686	25.476
IV	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	4.749	-
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	80.201	2.384
5	Thu nhập từ hoạt động khác		103.930	67.063
6	Chi phí hoạt động khác		(5.857)	(41.234)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	98.073	25.829
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	25.350	14.690
VIII	Chi phí hoạt động	30	(879.857)	(748.903)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.116.878	1.039.088
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(274.412)	(296.423)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		842.466	742.665
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(163.866)	(142.788)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.390)	2.595
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(165.256)	(140.193)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		677.210	602.472
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	21.2	1.235,61	1.103,01

Người lập biểu



Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Thái Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2018 Triệu VND	Năm 2017 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập trong tự nhận được		7.246.888	7.031.188
02	Chi phí lãi và các chi phí trong tự đã trả		(5.374.138)	(4.897.922)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		30.753	56.195
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		78.886	29.256
05	Thu nhập khác		2.591	(17.042)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		99.059	10.344
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(878.832)	(640.419)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(117.898)	(187.762)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.087.309	1.383.838
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		1.120.473	(1.450.717)
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(47.079)	(6.513)
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(9.051.374)	(7.385.258)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		279.766	-
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(33.000)	55.599
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		6.522	(322.169)
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		(5.431.491)	11.698.948
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)		9.119.323	4.258.396
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		383.848	(500.000)
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		8.580	(4.014)
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(15.280)	(153.361)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(35.499)	(21.832)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.607.902)	7.552.917
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Mua sắm tài sản cố định		(86.672)	(30.803)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	100
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		(3.577)	-
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		1.184	32.444
06	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	(18)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		5.867	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		25.350	14.690
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(57.848)	16.413

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			Triệu VND	Triệu VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		37.951	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		37.951	-
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.627.799)	7.569.330
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		15.327.153	7.757.823
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	32	<u>12.699.354</u>	<u>15.327.153</u>

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Thái Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng có thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Ngân hàng là:

- Kinh doanh tiền tệ;
- Kinh doanh khách sạn;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn thuế, kiểm toán, kế toán và tư vấn pháp luật);
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Hoạt động ngoại hối;
- Hoạt động bao thanh toán;
- Phái sinh về lãi suất;
- Chiết khấu công cụ, chuyển nhượng Giấy tờ có giá.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.500 tỷ VND (Năm nghìn năm trăm tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 117 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, ba mươi lăm (35) chi nhánh, hai (02) công ty con tại Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2018 của Ngân hàng

<u>Công ty con</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỉ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (AMC)	Quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay	100%
Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á	Cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ	100%

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có 2.042 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.616 nhân viên).

2 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 . Năm tài chính và đơn vị tiền tệ

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán

Ngân hàng đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN.

2.3 . Các thay đổi về chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, ngoại trừ các thay đổi sau:

Áp dụng Thông tư số 22/2017/TT-NHNN

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ("Thông tư 22") sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2018.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Ngân hàng liên quan đến việc áp dụng Thông tư 22 và các ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng được trình bày trong Thuyết minh số 2.6.

Áp dụng Thông tư số 16/2018/TT-BTC

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 16/2018/TT-BTC ("Thông tư 16") hướng dẫn về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này thay thế Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2013 hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Ngân hàng liên quan đến việc áp dụng Thông tư 16 và các ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng được trình bày trong Thuyết minh số 2.19.

2.4 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và Báo cáo tài chính của các công ty con do Ngân hàng kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Ngân hàng, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Ngân hàng. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.5 . Các cơ sở đánh giá và ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.6 . Các giao dịch ngoại tệ

Trước ngày 01 tháng 04 năm 2018

Theo hệ thống kế toán của tổ chức tín dụng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ là USD được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các ngoại tệ khác được quy đổi sang VND theo tỷ giá do Ngân hàng công bố vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2018

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại hoạt động kinh doanh ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán riêng và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc thay đổi chính sách kế toán nêu trên được áp dụng phi hồi tố.

2.7 . Các khoản đầu tư chứng khoán

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc các chứng khoán khác được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Ngân hàng và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội/chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) và các tổ chức tín dụng

Khi Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, Ngân hàng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận từ VAMC qua nghiệp vụ mua bán nợ trên tài khoản chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

2.8 . Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Ngân hàng nắm quyền kiểm soát được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Ngân hàng nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Ngân hàng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 11% quyền biểu quyết và đồng thời là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

2.9 . Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE);
- Nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng;
- Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Ngân hàng không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UpCom), thì Ngân hàng thực hiện dự phòng rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng thực hiện tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo mệnh giá và thời hạn của trái phiếu trừ (-) số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28/08/2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư và vốn chủ sở hữu thực có trên các báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.10 . Các khoản cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 18/03/2014, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Ngoài ra, theo Thông tư số 10/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20/03/2014, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: *Nợ trong hạn và Nợ quá hạn* dựa vào trạng thái quá hạn của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng: Dự phòng rủi ro tín dụng được lập theo quý và được ghi nhận vào báo cáo tài chính trong quý tiếp theo. Riêng dự phòng của quý 4 được lập và ghi nhận trong tháng 12 trên cơ sở các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung: Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 theo quý và ghi nhận vào báo cáo tài chính trong quý tiếp theo, riêng quý 4 được lập tại ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

2.11 . Các khoản cam kết ngoại bảng

Ngân hàng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng tiền lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng phải thực hiện phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm (xem Thuyết minh 2.10) để thực hiện quản lý.

2.12 . Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá mua và bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.13 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 13	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 11	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08	năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bất động sản đầu tư chủ yếu là quyền sử dụng đất lâu dài nắm giữ vì mục đích chờ tăng giá và không trích khấu hao.

2.14 . Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay tổ chức tín dụng khác

Hoạt động gửi tiền có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được Ngân hàng áp dụng theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/06/2012 quy định về hoạt động cho vay, đi vay, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực thi hành từ ngày 01/09/2012 và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN ngày 07/01/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TT-NHNN.

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay các tổ chức tín dụng khác theo quy định về phân loại nhóm nợ và trích dự phòng rủi ro tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.15 . Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khác hàng (xem Thuyết minh 2.10).

2.16 . Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao dịch giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - Khoản mục “Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục “Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn hợp đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản đánh giá lại trong kỳ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.17 . Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó dựa trên số năm làm việc tính đến năm 2008 và mức lương bình quân trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng thực hiện chi trợ cấp thôi việc từ chi phí hoạt động trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào khoản mục thặng dư vốn cổ

Trích lập các quỹ: Các quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế mỗi năm, số dư tối đa của quỹ không vượt quá vốn điều lệ hiện có của tổ chức tín dụng. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng sau khi có thông báo chia cổ tức của Ngân hàng và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi

Trước ngày 26 tháng 03 năm 2018:

Ngân hàng ghi nhận thu nhập lãi trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khoản lãi dự thu này được thoả thu và chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và chỉ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thu được tiền.

Từ ngày 26 tháng 03 năm 2018:

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thu được tiền.

Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 thì số lãi dự thu của khoản nợ này được thoái thu, ghi nhận ngoại bảng và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thu được tiền.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi thu được tiền.

Việc thay đổi chính sách kế toán nêu trên được áp dụng phi hồi tố.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ phí, hoa hồng dịch vụ và cổ tức

Các khoản thu nhập phí và hoa hồng được hạch toán theo phương pháp dự thu.

Cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư của Ngân hàng được xác định. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Ngân hàng hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.21 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản cho vay tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2.22 . Cán trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cán trừ và thể hiện giá trị ròng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cán trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.23 . Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản phái sinh và các tài sản tài chính khác.

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu;
- Tài sản sẵn sàng để bán.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, giấy tờ có giá đã phát hành, các khoản nợ phải trả phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh;
- Các khoản công nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên có liên quan của Ngân hàng là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ của Ngân hàng;
- Công ty con của Ngân hàng;
- Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;

- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tin dụng mẹ của Ngân hàng;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tin dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	398.032	446.620
Tiền mặt bằng ngoại tệ	62.303	56.885
	460.335	503.505

4 . Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	512.340	483.537
- Bằng VND	495.712	480.927
- Bằng ngoại tệ	16.628	2.610
	512.340	483.537

5 . Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

5.1 . Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	1.060.118	85.074
- Bằng VND	16.158	17.846
- Bằng ngoại tệ	1.043.960	67.228
Tiền gửi có kỳ hạn	9.389.116	10.370.196
- Bằng VND	8.914.000	9.943.000
- Bằng ngoại tệ	475.116	427.196
	10.449.234	10.455.270

5.2 . Cho vay các TCTD khác

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Bằng VND	377.000	2.423.000
Bằng ngoại tệ	-	246.675
	377.000	2.669.675
Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	10.826.234	13.124.945

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	9.766.116	13.039.871
	9.766.116	13.039.871

6 . Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Chứng khoán nợ</i>	1.970.000	1.000.000
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	1.970.000	1.000.000
<i>Chứng khoán vốn</i>	129.151	135.820
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	129.151	113.931
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	21.889
	2.099.151	1.135.820
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</i>		
Dự phòng giảm giá	-	(24.902)
	-	(24.902)
	2.099.151	1.110.918

Chi tiết tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	1.970.000	1.000.000
- Chưa niêm yết	1.970.000	1.000.000
Chứng khoán vốn	129.151	135.820
- Đã niêm yết	129.151	104.280
- Chưa niêm yết	-	31.540
	2.099.151	1.135.820

7 . Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
	Tài sản	Công nợ
	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31/12/2018	82.891	-
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	82.891	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	82.891	
Tại ngày 31/12/2017	35.812	-
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	35.812	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	35.812	-

8 . Cho vay khách hàng

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước (*)	63.976.304	55.459.862
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	-	23.606
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	500	500
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ	2.611	3.605
	63.979.415	55.487.573

(*): Trong đó, tổng dư nợ gốc cho vay để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu tại ngày 31/12/2018 là 303.400 triệu đồng (Tại ngày 31/12/2017 là 317.095 triệu đồng), đang vượt 5% vốn điều lệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Theo Công văn gửi Ngân hàng Nhà nước số 116/2015/CV-BacABank ngày 08/04/2015 về Phương án xử lý vi phạm liên quan đến cho vay đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, Ngân hàng đã đưa ra lộ trình để đáp ứng giới hạn cho vay này vào năm 2019 thông qua các biện pháp sau:

- Tập trung thu hồi nợ khách hàng đối với khoản cho vay có tính chất ngắn hạn, đặc biệt đối với những dư nợ đã quá hạn hoặc chuẩn bị đến hạn. Đồng thời, Ngân hàng sẽ tích cực làm việc trực tiếp với các khách hàng vay vốn để tìm biện pháp thu hồi nợ, yêu cầu khách hàng thoái vốn đầu tư vào các doanh nghiệp dự án...;
- Tăng vốn điều lệ lên 5.500 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2018, Ngân hàng đã thực hiện theo đúng lộ trình xử lý gửi Ngân hàng Nhà nước.

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	63.451.150	55.093.807
Nợ cần chú ý	40.190	42.154
Nợ dưới tiêu chuẩn	251.322	5.004
Nợ nghi ngờ	7.448	9.209
Nợ có khả năng mất vốn	229.305	337.399
	63.979.415	55.487.573

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	27.251.471	20.231.850
Nợ trung hạn	12.758.260	16.394.035
Nợ dài hạn	23.969.684	18.861.688
	63.979.415	55.487.573

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các TCKT	17.915.543	13.724.317
- Công ty TNHH	3.551.442	1.303.914
- Công ty Cổ phần	14.360.716	12.417.731
- Doanh nghiệp tư nhân	1.251	1.770
- Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	2.134	902
Cho vay cá nhân	46.063.872	41.763.256
	63.979.415	55.487.573

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	15.428.179	17.464.980
Khai khoáng	758.866	457.603
Công nghiệp chế biến, chế tạo	20.506.854	12.803.216
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.215	637
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	2.573.233	107.913
Xây dựng	6.692.063	9.475.962
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4.489.815	4.914.278
Vận tải kho bãi	1.358.679	1.295.081
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	219.361	900.129
Thông tin và truyền thông	462.023	479.258
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	368.145	578.424
Hoạt động kinh doanh bất động sản	846.666	238.279
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	14.856	4.658
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	56.678	64.665
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	650	193
Giáo dục và đào tạo	1.842.509	842.898
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	530.499	3.670
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	251.123	249.322
Hoạt động dịch vụ khác	4.033.170	3.322.075
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	3.544.091	2.284.331
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	740	-
	63.979.415	55.487.573

9 . Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng cụ thể	(122.395)	(210.115)
Dự phòng chung	(471.284)	(402.819)
	(593.679)	(612.934)

Chi tiết tăng/giảm dự phòng rủi ro tín dụng:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Năm nay</i>		
Số dư đầu năm	(402.819)	(210.115)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(69.609)	(192.688)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.144	642
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	279.766
Số dư cuối năm	(471.284)	(122.395)
<i>Năm trước</i>		
Số dư đầu năm	(343.304)	(100.675)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(59.515)	(109.440)
Số dư cuối năm	(402.819)	(210.115)

10 . Chứng khoán đầu tư

10.1 . Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	15.498.630	17.810.674
- Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	8.778.170	10.166.763
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	6.720.460	7.475.808
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	-	168.103
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	-	(18.000)
- Dự phòng cụ thể	-	(18.000)
	15.498.630	17.792.674

10.2 . Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	487.355	595.725
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(290.020)	(276.120)
	197.335	319.605
Tổng chứng khoán đầu tư	15.695.965	18.112.279

10.3 . Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.720.460	7.625.911
Nợ có khả năng mất vốn	-	18.000
	6.720.460	7.643.911

11 . Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	303.672	287.650
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(35.575)	(36.425)
	268.097	251.225

Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2018:

Các khoản đầu tư	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá gốc	Tỷ lệ
	Triệu VND	năm giữ %	Triệu VND	năm giữ %
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	115.500	5,00	115.500	5,00
- Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	2.000	0,64	2.000	0,83
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	14.260	4,00	14.260	4,00
- Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam VF4	30.883	10,76	30.883	10,76
- Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam VF2	18.752	3,63	19.119	3,63
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VF1	1.932	0,61	1.932	0,61
- Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Giáo dục Quốc tế	7.000	4,12	7.000	4,12
- Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Tháng Năm	68.000	10,46	68.000	10,46
- Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB Capital Việt Nam	-	-	5.500	24,29
- Công ty Cổ phần Địa ốc MB	1.676	0,26	1.676	0,26
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	19.780	6,12	19.780	6,12
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	2.000	10,00	2.000	10,00
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	21.889	0,44	-	-
	303.672		287.650	

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2018: (*)

Các khoản đầu tư	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	(14.260)	(14.260)
- Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na	(562)	(1.046)
- Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam VF2	(18.753)	(19.119)
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	(2.000)	(2.000)
	(35.575)	(36.425)

(*): Trích lập dự phòng căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư do Ngân hàng thu thập được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12 . Tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình trong năm:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Công Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	64.061	122.282	52.378	42.286	281.007
- Mua sắm trong năm	1.569	4.786	14.885	3.361	24.601
- Tặng khác	-	272	-	-	272
- Thanh lý, nhượng bán	(130)	(618)	(992)	(2.215)	(3.955)
Số dư cuối năm	65.500	126.722	66.271	43.432	301.925
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.373	67.923	33.229	39.071	166.596
- Khấu hao trong năm	2.602	14.020	4.650	1.779	23.051
- Tặng khác	-	197	-	-	197
- Thanh lý, nhượng bán	(104)	(543)	(992)	(2.135)	(3.774)
Số dư cuối năm	28.871	81.597	36.887	38.715	186.070
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	37.688	54.359	19.149	3.215	114.411
Tại ngày cuối năm	36.629	45.125	29.384	4.717	115.855

13 . Tài sản cố định vô hình

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình trong năm:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	528.988	76.003	604.991
- Mua sắm trong năm	-	4.202	4.202
Số dư cuối năm	528.988	80.205	609.193
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.751	59.050	63.801
- Khấu hao trong năm	811	5.680	6.491
Số dư cuối năm	5.562	64.730	70.292
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	524.237	16.953	541.190
Tại ngày cuối năm	523.426	15.475	538.901

14 . Tài sản Có khác

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.305	-
Các khoản phải thu	104.856	80.647
Các khoản lãi, phí phải thu	2.891.547	2.508.156
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2.502	3.892
Tài sản có khác	35.544	28.058
	3.035.754	2.620.753

14.1 . Các khoản phải thu

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	18.143	19.096
Thanh toán với Ngân sách Nhà nước	4.089	3.971
Các khoản phải thu nội bộ	55.144	35.219
Các khoản phải thu bên ngoài	27.480	22.361
	104.856	80.647

14.2 . Tài sản có khác

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ dụng cụ, vật liệu	17.858	11.957
Chi phí chờ phân bổ	17.686	16.101
	35.544	28.058

15 . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Vay Ngân hàng Nhà nước</i>	112.491	105.970
Vay theo hồ sơ tín dụng	112.491	105.970
	112.491	105.970

16 . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	12.761.764	14.022.129
Tiền gửi có kỳ hạn	12.761.764	14.022.129
- Bằng VND	12.056.604	12.833.604
- Bằng ngoại tệ	705.160	1.188.525
<i>Vay các TCTD khác</i>	644.119	4.815.245
Bằng VND	643.042	4.814.131
<i>Trong đó: Vay chiết khấu, tái chiết khấu</i>	616.042	800.638
Bằng ngoại tệ	1.077	1.114
	13.405.883	18.837.374

17 . Tiền gửi của khách hàng

Thuyết minh theo loại tiền gửi:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	751.244	762.285
- Bằng VND	734.377	753.828
- Bằng ngoại tệ	16.867	8.457
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	71.752.183	62.631.938
- Bằng VND	71.621.683	62.445.270
- Bằng ngoại tệ	130.500	186.668
Tiền gửi vốn chuyên dùng	5	5
Tiền gửi ký quỹ	30.990	20.871
- Bằng VND	30.976	20.764
- Bằng ngoại tệ	14	107
	72.534.422	63.415.099

18 . Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Bằng VND	12.467	3.887
	12.467	3.887

19 . Phát hành giấy tờ có giá thông thường

Tại ngày 31/12/2018

Kỳ hạn	Mệnh giá Triệu VND	Chiết khấu Triệu VND	Phụ trội Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Từ 12 tháng đến 05 năm	383.848	-	-	383.848
Từ 05 năm trở lên	950.000	-	-	950.000
	1.333.848	-	-	1.333.848

Tại ngày 31/12/2017

Kỳ hạn	Mệnh giá Triệu VND	Chiết khấu Triệu VND	Phụ trội Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Từ 05 năm trở lên	950.000	-	-	950.000
	950.000	-	-	950.000

20 . Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	143.499	138.607
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	60.748	7.328
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.788	36.967
Các khoản phải trả bên ngoài	15.921	109.034
- Các khoản phải trả về XD/CB, mua sắm TSCĐ	754	58.729
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	217	361
- Chuyển tiền phải trả	5.090	-
- Các khoản chờ thanh toán khác	9.860	49.944
	228.956	291.936

21. . Vốn chủ sở hữu

21.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp/Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quý Đầu tư phát triển	Quý Dự phòng tài chính	Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	Triệu VND						
Số dư đầu năm	5.000.000	7.398	564	211.196	100.412	1.055.042	6.374.612
Tăng trong năm	500.000	-	-	58.562	29.281	677.213	1.265.056
Tăng vốn trong năm (i)	500.000	-	-	-	-	-	500.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	677.210	677.210
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (ii)	-	-	-	58.562	29.281	-	87.843
Tăng khác	-	-	-	-	-	3	3
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(557.212)	(557.212)
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (ii)	-	-	-	-	-	(95.163)	(95.163)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(462.049)	(462.049)
Số dư cuối năm	5.500.000	7.398	564	269.758	129.693	1.175.043	7.082.456

21. . Vốn chủ sở hữu

21.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

(i): Trong năm 2018, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 5.000 tỷ đồng lên 5.500 tỷ đồng theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ/HĐCD-BACABANK ngày 15/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng đợt 1 phát hành 46.204.900 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 và phân phối lợi nhuận để lại lũy kế đến hết ngày 31/12/2016 và đợt 2 chào bán riêng lẻ 3.795.100 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

(ii): Ngân hàng thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 04/NQ/HĐCD-BACABANK ngày 24/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2017		602.472
Trích các Quỹ	15,55	93.699
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4,86	29.281
- Quỹ dự phòng tài chính	9,72	58.562
- Quỹ phúc lợi	0,49	2.928
- Quỹ khen thưởng	0,49	2.928
Thù lao HĐQT và BKS	0,24	1.464
Thưởng cổ phiếu cho CBCNV (*)	8,30	50.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (8,8% vốn điều lệ) (*)	73,11	440.453

(*) Ngân hàng dự kiến thực hiện tăng vốn bằng phát hành thêm cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần qua hình thức thưởng cổ phiếu cho cán bộ nhân viên và phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông. Đến 31/12/2018, Ngân hàng đang tiến hành các thủ tục để thực hiện phương án tăng vốn này.

21.2 . Thu nhập trên một cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	677.210	602.472
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	677.210	602.472
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	677.210	602.472
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (i)	548.076.456	546.204.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (i)	1.235,61	1.103,01

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ/HĐCD-BACABANK ngày 15/04/2017, Ngân hàng quyết định trả cổ tức năm 2016 và phân phối lợi nhuận để lại lũy kế đến hết ngày 31/12/2016 bằng cổ phiếu số lượng là 46.204.900 cổ phần (tương ứng 9,24% vốn điều lệ). Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của sự kiện nêu trên đối với số liệu so sánh năm trước theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Ngân hàng chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm.

21.3 . Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	31/12/2018			31/12/2017		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn góp của cổ đông	5.500.000	5.500.000	-	5.000.000	5.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	7.398	7.398	-	7.398	7.398	-
	5.507.398	5.507.398	-	5.007.398	5.007.398	-

21.4 . Cổ phiếu

	31/12/2018	31/12/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	550.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	550.000.000	500.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>550.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	550.000.000	500.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>550.000.000</i>	<i>500.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

22 . Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	250.009	341.378
Thu nhập lãi cho vay	5.949.514	5.029.583
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	1.191.120	1.392.992
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	10.141	6.331
Thu khác từ hoạt động tín dụng	187.241	41.873
	7.588.025	6.812.157

23 . Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	5.613.563	4.956.064
Trả lãi tiền vay	1.829	36.139
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	86.735	124.143
Chi phí hoạt động tín dụng khác	187.226	37.894
	5.889.353	5.154.240

24 . Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Thu phí dịch vụ	92.810	75.554
- Dịch vụ thanh toán	24.165	24.976
- Dịch vụ ngân quỹ	531	511
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	1.615	4.157
- Dịch vụ tư vấn	59.662	34.736
- Dịch vụ khác	6.837	11.174
Chi phí dịch vụ liên quan	(19.806)	(13.859)
- Dịch vụ thanh toán	(7.458)	(6.838)
- Dịch vụ ngân quỹ	(2.722)	(1.857)
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	(2.395)	(374)
- Dịch vụ tư vấn	(6.573)	(856)
- Dịch vụ khác	(658)	(3.934)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	73.004	61.695

25 . Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	137.237	132.083
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	137.237	132.083
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(120.551)	(106.607)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(120.551)	(106.607)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	16.686	25.476

26 . Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	4.749	-
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	4.749	-

27 . Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	123.614	37.230
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(43.413)	(33.450)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	(1.396)
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	80.201	2.384

28 . Lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	103.930	67.063
- Thu từ thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư	-	32.544
- Thu nhập khác	103.930	34.519
Chi phí liên quan đến hoạt động khác	(5.857)	(41.234)
- Chi thanh lý bất động sản đầu tư	-	(32.689)
- Chi phí khác	(5.857)	(8.545)
Lãi thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	98.073	25.829

29 . Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	25.350	14.690
- Từ chứng khoán Vốn kinh doanh	22.654	12.073
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	2.696	2.617
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	25.350	14.690

30 . Chi phí hoạt động

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	3.988	4.087
Chi phí cho nhân viên	496.096	367.117
<i>Trong đó:</i>		
- Chi lương và phụ cấp	409.073	308.182
- Các khoản chi đóng góp theo lương	43.433	21.368
- Chi trợ cấp	1.589	3.135
- Chi khác cho nhân viên	42.001	34.432
Chi về tài sản	141.370	131.154
<i>Trong đó: Khấu hao tài sản cố định</i>	<i>29.542</i>	<i>33.848</i>
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	165.148	156.655
<i>Trong đó:</i>		
- Công tác phí	10.981	9.593
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	1.451	1.008
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	94.258	88.844
Chi phí dự phòng	(21.003)	1.046
Chi phí hoạt động	879.857	748.903

31 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**31.1 . Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	162.945	142.731
- Công ty TNHH Một thành viên Kiều hồi Bắc Á	921	57
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	163.866	142.788
- Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.887	50.861
- Thuế TNDN đã nộp trong năm	(117.898)	(187.762)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	51.855	5.887

31.2 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.390	(2.595)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.390	(2.595)

32 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	460.335	503.505
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	512.340	483.537
Tiền gửi tại các TCTD khác (<i>gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng</i>)	10.449.234	10.455.270
Cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	377.000	2.669.675
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	900.445	1.215.166
	12.699.354	15.327.153

33 . Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2018	Năm 2017
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên	2.042	1.616
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	409.073	308.181
2. Thu nhập khác	19.038	16.824
3. Tổng thu nhập (1+2)	428.111	325.005
4. Tiền lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	16,69	15,89
5. Thu nhập bình quân hàng tháng (triệu VND/người/tháng)	17,47	16,76

34 . Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm Triệu VND	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu VND
		Số phải nộp	Số đã nộp	
		Triệu VND	Triệu VND	
1. Thuế GTGT	155	12.995	12.651	499
2. Thuế TNDN	5.887	163.866	117.898	51.855
3. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.286	56.949	49.841	8.394
	7.328	233.810	180.390	60.748

35 . Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/người nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/ người xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, nếu Ngân hàng có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng vào ngày cuối năm như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
	Triệu VND	Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	25.228	28.799
Bảo lãnh khác	282.821	223.864
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	45.217	55.133
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	41.847	25.999
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	54.035	8.624
- Cam kết bảo lãnh khác	141.722	134.108
Cam kết giao dịch hối đoái	9.796.802	14.407.999
- Cam kết mua ngoại tệ	1.387.200	1.569.750
- Cam kết bán ngoại tệ	642.014	672.750
- Cam kết giao dịch hoán đổi	7.767.588	12.165.499
	10.104.851	14.660.662

36 . Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Ngân hàng thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018	
	Triệu VND	
Chi phí lãi trả cho tiền gửi của		
- Thành viên Hội đồng quản trị		23
- Thành viên Ban Tổng giám đốc		26
- Thành viên Ban Kiểm soát		7
	Năm 2018	Năm 2017
	Triệu VND	Triệu VND
Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị	1.020	444
Thù lao trả cho Ban Kiểm soát	180	192

Tại thời điểm cuối năm, số dư của Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

	31/12/2018
	Triệu VND
Tiền gửi của khách hàng	
- Thành viên Hội đồng quản trị	10.805
- Thành viên Ban Tổng giám đốc	12.617
- Thành viên Ban Kiểm soát	529

37 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

38 . Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Khu vực	Cho vay khách hàng và cho vay TCTD khác	Tiền gửi và tiền vay từ khách hàng và các TCTD khác	Các cam kết tín dụng	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	64.356.415	85.940.305	308.049	82.891	18.085.136
	64.356.415	85.940.305	308.049	82.891	18.085.136

39 . Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Mục tiêu của Ngân hàng là đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh, thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các tổ chức tín dụng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao nhằm giúp cơ cấu Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trong yếu tố trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng cầm nang tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống quản lý vốn tập trung và Hệ thống thanh toán tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

39.1 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Ngân hàng. Ngân hàng có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Ngân hàng có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

39.2 . Rủi ro thị trường

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời gian còn lại tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản Có khác, trừ ủy thác đầu tư) được xếp loại khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không chịu lãi. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31/12/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
			Dưới 01 tháng	Từ 01 đến 03 tháng	Từ 06 tháng đến 12 tháng	Từ trên 06 tháng đến 05 năm	Từ trên 01 năm		
TÀI SẢN									
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	460.335	-	-	-	-	-	460.335	
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	512.340	-	-	-	-	512.340	
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	2.338.834	6.310.400	2.177.000	-	-	10.826.234	
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	2.099.151	-	-	2.099.151	
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	82.891	-	-	-	-	82.891	
VI Cho vay khách hàng (*)	530.177	-	3.540.779	2.997.662	10.083.044	10.099.808	12.758.262	63.979.415	
VII Chứng khoán đầu tư (*)	-	487.356	-	-	-	-	9.760.133	15.985.985	
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	303.672	-	-	-	-	-	303.672	
IX Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	662.558	-	-	-	-	-	662.558	
X Tài sản có khác	-	3.035.754	-	-	-	-	-	3.035.754	
Tổng tài sản	530.177	4.949.675	6.474.844	9.308.062	12.260.044	12.198.959	22.518.395	97.948.335	

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31/12/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn Triệu VND	Không chịu lãi Triệu VND	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng Triệu VND
			Dưới 01 tháng Triệu VND	Từ 01 đến 03 tháng Triệu VND	Từ 06 tháng đến 06 tháng Triệu VND	Từ 12 tháng đến 05 năm Triệu VND	Từ trên 05 năm Triệu VND	Tổng	
NỢ PHẢI TRẢ									
I Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	4.152.041	3.537.800	5.100.000	-	6.003	722.530	13.518.374
II Tiền gửi của khách hàng	-	754	2.098.474	3.041.307	6.487.948	11.603.018	21.778.160	27.524.761	72.534.422
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	12.467	-	12.467
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	383.848	950.000	1.333.848
VI Các khoản nợ khác	-	2.547.494	-	-	-	-	-	-	2.547.494
Tổng nợ phải trả	-	2.548.248	6.250.515	6.579.107	11.587.948	11.603.018	22.180.478	29.197.291	89.946.605
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	530.177	2.401.427	224.329	2.728.955	672.096	595.941	337.917	510.888	8.001.730

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

b. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo bảng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31/12/2018 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại hối khác được quy đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN				
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	7.329	54.975	-	62.304
II. Tiền gửi tại NHNN	-	16.628	-	16.628
III. Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	21.176	1.475.256	22.644	1.519.076
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	675.933	675.933
VI. Cho vay khách hàng (*)	-	107.659	-	107.659
X. Tài sản có khác	-	4.830	1	4.831
Tổng tài sản	28.505	1.659.348	698.578	2.386.431
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I. Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	706.237	-	706.237
II. Tiền gửi của khách hàng	6.870	140.511	5	147.386
III. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	2.913.120	-	2.913.120
VI. Các khoản nợ khác	8	5.912	603	6.523
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	6.878	3.765.780	608	3.773.266
Trạng thái tiền tệ nội bảng	21.627	(2.106.432)	697.970	(1.386.835)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	21.627	(2.106.432)	697.970	(1.386.835)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Tỷ giá quy đổi

EUR	26.440
USD	23.120
GBP	29.220
CHF	23.420
JPY	209
SGD	16.860
AUD	16.230

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ đáo hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính toán dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến một (01) tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên một (01) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định và bất động sản đầu tư được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời đến hạn của các tài sản có và các khoản nợ khác được tính từ ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng.

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31/12/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn		Trong hạn		Tổng	
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Trừ trên 01 đến 03 tháng	Trừ trên 03 đến 12 tháng	Trừ trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN						
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	460.335	-	-	-	460.335
II Tiền gửi tại NHNN	-	512.340	-	-	-	512.340
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	5.186.034	5.640.200	-	-	10.826.234
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	2.099.151	-	-	-	2.099.151
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	82.891	-	-	-	82.891
VI Cho vay khách hàng (*)	53.559	476.619	6.267.838	13.097.470	27.379.768	63.979.415
VII Chứng khoán đầu tư (*)	-	500.157	400.289	100.000	9.247.043	15.985.985
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	303.672	303.672
IX Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	130.434	662.558
X Tài sản có khác (*)	-	302.274	1.214.880	1.518.600	-	3.035.754
Tổng tài sản	53.559	476.619	13.523.207	14.716.070	37.060.917	97.948.335

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31/12/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn		Trong hạn			Tổng Triệu VND
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 12 tháng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
NỢ PHẢI TRẢ						
I Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	8.326.670	4.463.221	195	281.194
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	4.459.476	7.214.387	12.915.608	13.802.334
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	12.467
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	950.000
VI Các khoản nợ khác	-	-	327.193	215.698	229.004	266.920
Tổng nợ phải trả	-	-	13.113.339	11.893.306	13.144.807	15.300.448
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	53.559	476.619	3.385.828	1.629.901	1.571.263	318.348

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I. Doanh thu	7.577.884	6.805.826	148.964	51.920	344.118	281.031	-	-	8.070.966	7.138.777
1. Doanh thu lãi	7.577.884	6.805.826	-	-	10.141	6.331	-	-	7.588.025	6.812.157
2. Doanh thu từ hoạt động đầu tư	-	-	148.964	51.920	-	-	-	-	148.964	51.920
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	-	-	-	-	333.977	274.700	-	-	333.977	274.700
II. Chi phí	5.889.353	5.154.240	43.413	33.450	146.214	161.700	879.857	747.856	6.958.837	6.097.246
1. Chi phí lãi	5.889.353	5.154.240	-	-	-	-	-	-	5.889.353	5.154.240
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	29.542	33.848	29.542	33.848
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	-	-	43.413	33.450	146.214	161.700	850.315	714.008	1.039.942	909.158
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	1.688.531	1.651.586	105.551	18.470	197.904	119.331	(879.857)	(747.856)	1.112.129	1.041.531
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro	274.412	296.423	(4.749)	2.442	-	-	-	-	269.663	298.865
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.414.119	1.355.163	110.300	16.028	197.904	119.331	(879.857)	(747.856)	842.466	742.666

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
III. Tài sản (*)	94.544.881	90.436.194	432.823	423.470	138.874	50.604	2.831.756	1.840.314	97.948.334	92.750.582
1. Tiền mặt	-	-	-	-	-	-	460.335	503.505	460.335	503.505
2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	-	-	512.340	483.537	512.340	483.537
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	9.766.116	13.039.871	-	-	-	-	1.060.118	85.074	10.826.234	13.124.945
4. Chứng khoán kinh doanh	1.970.000	1.000.000	129.151	135.820	-	-	-	-	2.099.151	1.135.820
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-	82.891	35.812	-	-	82.891	35.812
6. Cho vay khách hàng (*)	63.979.415	55.487.573	-	-	-	-	-	-	63.979.415	55.487.573
7. Chứng khoán đầu tư (*)	15.985.985	18.406.399	-	-	-	-	-	-	15.985.985	18.406.399
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	303.672	287.650	-	-	-	-	303.672	287.650
9. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	7.802	8.987	654.756	655.601	662.558	664.588
10. Tài sản Có khác (*)	2.843.365	2.502.351	-	-	48.181	5.805	144.207	112.597	3.035.753	2.620.753

40 . Báo cáo bộ phận

40.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
IV. Nợ phải trả	89.717.649	85.115.653	-	-	-	-	228.956	291.936	89.946.605	85.407.589
1. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	112.491	105.970	-	-	-	-	-	-	112.491	105.970
2. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.405.883	18.837.374	-	-	-	-	-	-	13.405.883	18.837.374
3. Tiền gửi của khách hàng	72.534.422	63.415.099	-	-	-	-	-	-	72.534.422	63.415.099
5. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	12.467	3.887	-	-	-	-	-	-	12.467	3.887
6. Phát hành giấy tờ có giá	1.333.848	950.000	-	-	-	-	-	-	1.333.848	950.000
7. Các khoản nợ khác	2.318.538	1.803.323	-	-	-	-	228.956	291.936	2.547.494	2.095.259

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

40.2 . Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Thu nhập và chi phí phát sinh cho năm 2018 cũng như tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018 của Ngân hàng phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

41 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Thái Hương

Trên đây là toàn văn Báo cáo Thường niên năm 2018 của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

TP.Vinh, ngày 10 tháng 04 năm 2019

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á



Thái Hương



Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 117, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-238) 3844 277 | **Fax:** (84-238) 384 1757

Tổng đài CSKH: 1800 588 828 | **Website:** www.baca-bank.vn